**BẢNG THUYẾT MINH CHI TIẾT**

**LÝ DO SỬA ĐỔI VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHỨNG KHOÁN**

***Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2020***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên vấn đề** | **Quy định hiện hành (NĐ 58, 60, 86, 151)** | **Quy định tại Nghị định mới** | **Lý do sửa đổi**  **(Luật Chứng khoán giao hướng dẫn, thực tế/ bất cập phát sinh…)** | **Thông lệ quốc tế** | **Nguồn đưa ra nội dung sửa đổi, bổ sung** |
|  | *Phạm vi điều chỉnh* |  | * Phạm vi điều chỉnh hướng dẫn 25 nội dung Luật Chứng khoán giao Chính phủ quy định chi tiết * Các nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh Nghị định được hướng dẫn tại Nghị định khác: chứng khoán phái sinh, Hoạt động chào bán cổ phiếu ra công chúng để chuyển doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và hoạt động chuyển nhượng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư tại doanh nghiệp khác; Hoạt động chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước, chào bán trái phiếu tại nước ngoài. | * Đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Chứng khoán đối với những điều khoản được Luật giao Chính phủ quy định. * Đảm bảo quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. |  |  |
|  | *Đối tượng áp dụng* |  | Theo đối tượng quy định tại Luật chứng khoán |  |  |  |
|  | *Giải thích từ ngữ* |  |  |  |  |  |
|  | *Khoản 1* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP; Thông tư số 162/2015/TT-BTC | Cổ phiếu đã phát hành là cổ phiếu đã được nhà đầu tư thanh toán đầy đủ và những thông tin về người sở hữu được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông. | Bỏ cụm từ ghi đúng, ghi đủ vào sổ cổ đông do đây không phải lỗi của cổ đông. |  |  |
|  | *Khoản 2* | Chưa có quy định | Cổ phiếu đang lưu hành là số cổ phiếu đã phát hành trừ đi số cổ phiếu công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 3* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP | Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu đã phát hành bởi công ty cổ phần và được mua lại bởi chính công ty đó. | Sửa cụm từ “bởi chính tổ chức phát hành đó” thành “bởi chính công ty đó” để đảm bảo rõ nghĩa. |  |  |
|  | *Khoản 4* | Đã quy định tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC về “cổ phần lẻ” | Phần lẻ cổ phần là phần vốn ít hơn 01 cổ phần. | Sửa từ “cổ phần lẻ” thành “phần lẻ cổ phần” |  |  |
|  | *Khoản 5* | Chưa có quy định | Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 6* | Quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP về thuật ngữ “chào bán cổ phiếu để hoán đối” | Phát hành cổ phiếu để hoán đổi là việc phát hành thêm cổ phiếu và dùng cổ phiếu phát hành thêm để đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác, để hoán đổi khoản nợ của tổ chức phát hành đối với chủ nợ. | Sửa từ “chào bán” thành “phát hành” để thống nhất cách sử dụng từ ngừ trong Dự thảo Nghị định. |  |  |
|  | *Khoản 7* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58 | Có sửa đổi về tên thuật ngữ thành “ngày kết thúc chào bán” và bổ sung thêm nội hàm của thuật ngữ | Thay cho ngày hoàn thành chào bán, phù hợp với thuật ngữ quy định tại Luật Chứng khoán và phù hợp với các nghiệp vụ quy định tai Nghị định |  |  |
|  | *Khoản 8* | Chưa quy định | Quy định mới “ngày kết thúc đợt phát hành”  Ngày kết thúc đợt phát hành:  a) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần theo hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập là ngày chốt danh sách cổ đông, thành viên để hoán đổi.  b) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi là ngày được tổ chức phát hành xác định để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu của tổ chức phát hành với cổ phần, phần vốn góp của tổ chức, cá nhân khác.  c) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ là ngày được tổ chức phát hành xác định để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu của tổ chức phát hành với khoản nợ của tổ chức phát hành với chủ nợ.  d) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền.  đ) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động.  e) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu từ các nhà đầu tư thực hiện quyền. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, thống nhất với các nghiệp vụ phát hành quy định tại Nghị định, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 9* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58 | Đại diện người sở hữu trái phiếu là thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ được chỉ định hoặc lựa chọn đại diện cho quyền lợi của người sở hữu trái phiếu. | Bổ sung thêm đối tượng được làm đại diện người sở hữu trái phiếu là công ty quản lý quỹ |  |  |
|  | *Khoản 10* | Chưa quy định | Bổ sung mới thuật ngữ *“Tái cơ cấu doanh nghiệp”* | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 11* | Chưa quy định | Quy định dẫn chiếu khái niệm *hợp nhất doanh nghiệp, sáp nhập doanh nghiệp, chia doanh nghiệp, tách doanh nghiệp* được hiểu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 12* | Chưa quy định | Bổ sung mới thuật ngữ *“Mua lại doanh nghiệp”* | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 13* | Chưa quy định | Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước là báo cáo được lập để minh họa ảnh hưởng của sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu đến thông tin tài chính chưa điều chỉnh của đơn vị với giả định sự kiện đã xảy ra hoặc giao dịch đã được thực hiện tại một ngày trước đó được chọn cho mục đích minh họa theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 14* | Chưa quy định | *Năm hợp nhất, sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp, năm tái cơ cấu* là năm hoàn thành quá trình hợp nhất, sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp hoặc hoàn tất hoạt động tái cơ cấu. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 15* | Chưa quy định | Tổ chức bảo lãnh phát hành là tổ chức thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán cho đợt phát hành chứng khoán của tổ chức phát hành theo quy định tại khoản 31 Điều 4 Luật Chứng khoán. | Bổ sung do yêu cầu quản lý. Hiện nay chỉ có quy định về bảo lãnh phát hành, chưa có quy định thế nào là tổ chức bảo lãnh phát hành |  |  |
|  | *Khoản 16* | Chưa quy định | Tổ hợp bảo lãnh phát hành là nhóm các tổ chức bảo lãnh phát hành cùng nhau cam kết bảo lãnh phát hành cho đợt phát hành của tổ chức phát hành theo hợp đồng đồng bảo lãnh phát hành, trong đó xác định tổ chức bảo lãnh phát hành chính chịu trách nhiệm chung cho hoạt động bảo lãnh phát hành và quyền, trách nhiệm của từng tổ chức bảo lãnh phát hành. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 17* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58 | *Chủ nợ* là bên cho vay hoặc bên được quyền yêu cầu một tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ phải trả. |  |  |  |
|  | *Khoản 18* | Chưa quy định | Bổ sung mới thuật ngữ *“Dự án”.* Dự án là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 19* | Chưa quy định | Hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài là việc tổ chức phát hành cổ phiếu làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài cam kết hỗ trợ tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu mới phát hành hoặc đang lưu hành và cung cấp thông tin theo hợp đồng hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài.. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 20* | Chưa quy định | Tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài là tổ chức tài chính, ngân hàng nước ngoài thực hiện việc phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo hợp đồng hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 21* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58 | Chào mua công khai là việc tổ chức, cá nhân công khai thực hiện việc mua một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ của một quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản nhằm mục đích nắm quyền kiểm soát trong công ty đại chúng, quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản theo các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo công bằng cho các cổ đông của công ty mục tiêu. | Bổ sung thêm đối tượng chào mua công khai là chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư bất động sản cho phù hợp với thực tế phát sinh. |  |  |
|  | *Khoản 22* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58 | Công ty mục tiêu là công ty đại chúng có cổ phiếu là đối tượng của hành vi chào mua công khai. | Không thay đổi |  |  |
|  | *Khoản 23* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58 | Quỹ đầu tư mục tiêu là quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản có chứng chỉ quỹ là đối tượng của hành vi chào mua công khai. | Bổ sung thêm đối tượng là chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư bất động sản cho phù hợp với thực tế phát sinh. |  |  |
|  | *Khoản 24* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58 | Đại lý chào mua công khai là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán được tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai chỉ định làm đại diện thực hiện các thủ tục chào mua công khai trên cơ sở hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân đó và công ty chứng khoán được chỉ định. | Không thay đổi |  |  |
|  | *Khoản 25* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP | *Nước sở tại* là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi tổ chức phát hành của Việt Nam đăng ký chào bán và niêm yết chứng khoán. | Không thay đổi |  |  |
|  | *Khoản 26* | Điều 2a Nghị định 60/2015/NĐ-CP | Nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cá nhân, tổ chức theo quy định tại Luật Đầu tư. | Dẫn chiếu thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư để đảm bảo tính đồng nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật. |  |  |
|  | *Khoản 27* | Chưa quy định | *Năm đăng ký niêm yết* là năm tổ chức đăng ký niêm yết nộp hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 28* | Quy định tại Thông tư 180/2015/TT-BTC | Hệ thống giao dịch Upcom là hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết do sở giao dịch chứng khoán tổ chức, vận hành. | Chỉnh sửa đảm bảo thống nhất cách dùng từ ngữ tại Dự thảo Nghị định. |  |  |
|  | *Khoản 29* | Khoản 1 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP quy định: *Tỷ lệ sở hữu nước ngoài là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp có quyền biểu quyết của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên trong một công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán* | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tính trên vốn điều lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trong một công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán. | Thay đổi cách tính tỷ lệ SHNN tính trên vốn điều lệ (thay vì tính trên vốn góp có quyền biểu quyết) để đảm bảo đồng nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật. |  |  |
|  | *Khoản 30* | Chưa có quy định | Bù trừ giao dịch chứng khoán là các hoạt động bao gồm ký quỹ, đối chiếu, xác nhận kết quả giao dịch, xử lý lỗi, thế vị giao dịch, bù trừ, xác định nghĩa vụ thanh toán và quản lý rủi ro liên quan đến giao dịch chứng khoán. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 31* | Khoản 17 Điều 3 Nghị định 42/2015/NĐ-CP | Thanh toán giao dịch chứng khoán là việc chuyển giao tiền và chuyển giao chứng khoán vào ngày thanh toán theo nguyên tắc chuyển giao chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền. |  |  |  |
|  | *Khoản 32* | Chưa có quy định | Tổ chức bù trừ trung tâm là tổ chức có chức năng thực hiện hoạt động bù trừ giao dịch chứng khoán và đảm bảo hoàn tất thanh toán giao dịch chứng khoán. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 33* | Chưa có quy định | *Cơ chế đối tác bù trừ trung tâm* là cơ chế bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán do Tổ chức bù trừ trung tâm thực hiện, trong đó Tổ chức bù trừ trung tâm thông qua hoạt động thế vị trở thành một đối tác của giao dịch chứng khoán, thành viên bù trừ là đối tác còn lại của giao dịch, kể cả giao dịch do bên thứ ba thực hiện. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 34* | Khoản 18 Điều 3 Nghị định 42/2015/NĐ-CP | Thành viên bù trừ trực tiếp là thành viên bù trừ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng và của chính thành viên đó. | Bổ sung khái niệm áp dụng đối với thị trường chứng khoán cơ sở. |  |  |
|  | *Khoản 35* |  | Thành viên bù trừ chung là thành viên bù trừ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của mình, khách hàng của mình và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán cho thành viên giao dịch không bù trừ và khách hàng của thành viên giao dịch không bù trừ. | Bổ sung khái niệm áp dụng đối với thị trường chứng khoán cơ sở. |  |  |
|  | *Khoản 36* | Khoản 19 Điều 3 Nghị định 42/2015/NĐ-CP | Thành viên giao dịch không bù trừ là thành viên giao dịch không làm thành viên bù trừ. | Bổ sung khái niệm áp dụng đối với thị trường chứng khoán cơ sở. |  |  |
|  | *Khoản 37* | Hiện không quy định tại Nghị định 42/2015/NĐ-CP | Thế vị là việc thay thế một bên trong giao dịch chứng khoán bằng một bên khác, trong đó bên thay thế kế thừa tất cả các quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan đến giao dịch chứng khoán của bên bị thay thế. | Bổ sung khái niệm áp dụng đối với thị trường chứng khoán cơ sở. |  |  |
|  | *Khoản 38* | Chưa có quy định | Giao dịch chứng khoán chưa hoàn tất thanh toán là giao dịch mua, bán chứng khoán đã được xác lập nhưng chưa thực hiện thanh toán. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 39* | Khoản 8 Điều 2 Thông tư 05/2015/TT-BTC | Tổ chức mở tài khoản trực tiếp là tổ chức mở tài khoản lưu ký chứng khoán trực tiếp tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và sử dụng dịch vụ lưu ký chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. | Chỉnh sửa đảm bảo thống nhất cách dùng từ ngữ tại Dự thảo Nghị định và phù hợp với thực tế phát sinh. |  |  |
|  | *Khoản 40* | Khoản 20 Điều 2 Thông tư 11/2016/TT-BTC | Tài khoản ký quỹ bù trừ là tài khoản được mở cho nhà đầu tư, thành viên bù trừ để quản lý tài sản ký quỹ bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán. | Chỉnh sửa đảm bảo thống nhất cách dùng từ ngữ tại Dự thảo Nghị định. |  |  |
|  | *Khoản 41* | Chưa có quy định | Tài sản ký quỹ bù trừ là tiền, chứng khoán hoặc tài sản khác theo quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 42* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP | Giá trị tài sản ròng của quỹ là tổng giá trị các tài sản của quỹ trừ đi tổng giá trị nợ phải trả của quỹ. | Không thay đổi |  |  |
|  | *Khoản 43* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP | Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ là công ty đầu tư chứng khoán có tối đa 99 cổ đông, trong đó giá trị vốn góp đầu tư của mỗi cổ đông tổ chức tối thiểu là 03 tỷ đồng và của mỗi cá nhân tối thiểu là 01 tỷ đồng. | Không thay đổi |  |  |
|  | *Khoản 44* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP | Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là công ty đầu tư chứng khoán đã thực hiện việc chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng. | Sửa cụm từ “đã thực hiện việc chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng” đảm bảo đúng bản chất. |  |  |
|  | *Khoản 45* | Chưa có quy định | Sản phẩm tài chính là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành được dựa trên chứng khoán cơ sở theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 46* | Chưa có quy định | Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là tổ chức được thành lập hợp pháp ở nước ngoài để thực hiện một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
|  | *Khoản 47* | Chưa có quy định | Công cụ nợ gồm trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành, trái phiếu chính quyền địa phương và công cụ nợ của Chính phủ (gồm trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, công trái xây dựng Tổ quốc). | Bổ sung khái niệm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo cách hiểu thống nhất, dễ dàng áp dụng. |  |  |
| **Điều 4** | *Trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp* |  | + Quy định mới  + Quy định về trách nhiệm của các tổ chức lựa chọn nhà đầu tư chứng khoán chuyển nghiệp khi thực hiện phát hành và khi thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu | + Luật giao quy định chi tiết; |  |  |
| **Điều 5** | *Tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp* |  | + Quy định mới  + Hướng dẫn các tài liệu căn cứ để xác định. | + Luật giao quy định chi tiết; |  |  |
| **Điều 6** | *Quy định về việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu báo cáo* | Được quy định tại Luật chứng khoán và các thông tư hướng dẫn | + Quy định chung về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu báo cáo.  + Quy định về thời hạn xử lý, thời hạn bổ sung hồ sơ, tài liệu báo cáo;  + Quy định chung hướng dẫn về hồ sơ, tài liệu đăng ký (tính hợp lệ). | Lý do:   * Quy định hướng dẫn chung về việc nộp hồ sơ, tính hợp lệ của tài liệu đối với các hoạt động tương tự quy định tại các thông tư hướng dẫn các nghiệp vụ (như Thông tư số 162/2015/TT-BTC); * Tăng tính trách nhiệm của tổ chức, cá nhân;   + Bổ sung quy định mới đáp ứng yêu cầu quản lý. |  |  |
| **Điều 7** | *Quy định chung về chào bán, phát hành chứng khoán và chào mua công khai* | Đã được quy định tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC đối với hoạt động chào bán chứng khoán ra công chúng | + Bổ sung quy định việc đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng phải do tổ chức phát hành thực hiện, trừ trường hợp cổ đông công ty đại chúng chào bán cổ phiếu sở hữu ra công chúng.  + Tổ chức phát hành, cổ đông công ty đại chúng đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng và người có liên quan của tổ chức phát hành, người nội bộ của tổ chức phát hành và người có liên quan của người nội bộ không được đưa ra các nhận định hoặc đảm bảo với nhà đầu tư về giá chứng khoán trong tương lai.  + Bổ sung nguyên tắc điều chỉnh các điều kiện, điều khoản trái phiếu đã phát hành. | * Quy định rõ trách nhiệm đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, tránh trường hợp cổ đông công ty chưa đại chúng đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.   + Quy định nhằm không cho phép tổ chức phát hành, người nội bộ và người có liên quan có nhận định, đảm bảo về giá chứng khoán nhằm lôi kéo xúi giục nhà đầu tư.  + Quy định chung nhằm thống nhất trong quá trình xử lý hồ sơ các hoạt động chào bán/phát hành  + Đáp ứng yêu cầu quản lý |  |  |
| **Điều 8** | *Việc mở và sử dụng tài khoản phong tỏa* | Luật Chứng khoán, Nghị định 58, Nghị định 60, Thông tư 162 | + Quy định chung về việc mở và sử dụng tài khoản phong tỏa đối với các hoạt động chào bán, phát hành có thu tiền  + Bổ sung quy định đối với trường hợp quy định phải có ngân hàng thực hiện việc giám sát sử dụng vốn, ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa đồng thời là ngân hàng thực hiện việc giám sát sử dụng vốn. Việc giải ngân vốn thu được từ đợt chào bán thực hiện theo tiến độ dự án dưới sự giám sát của ngân hàng thực hiện việc giám sát sử dụng vốn. | + Quy định chung nhằm thống nhất trong quá trình xử lý hồ sơ các hoạt động chào bán/phát hành;  + Đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Quy định hướng dẫn cụ thể về trường hợp có ngân hàng giám sát thực hiện vốn giúp các doanh nghiệp có cơ chế thực hiện; |  |  |
| **Điều 9** | *Báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán* | Được quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60 tuy nhiên còn quy định riêng biệt chào bán ra công chúng và chào bán riêng lẻ | + Quy định chung tại Nghị định cho việc báo cáo và sử dụng vốn của các hoạt động chào bán ra công chúng và riêng lẻ;  + Bổ sung quy định việc thay đổi phương án sử dụng vốn trên 50% vốn thu được từ đợt chào bán thì phải được ĐHĐCĐ thông qua.  + Bổ sung quy định đối với trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng có đảm bảo bằng nguồn thu của tổ chức phát hành, cấp có thẩm quyền chỉ được thay đổi phương án sử dụng vốn sau khi được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.  + Quy định rõ việc công bố thông tin thực hiện trên trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, Sở giao dịch chứng khoán.  + Sửa đổi thời gian công bố thông tin về quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn (10 ngày thành 24h). | + Quy định chung nhằm thống nhất trong quá trình xử lý hồ sơ các hoạt động chào bán/phát hành;  + Đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Phù hợp với các quy định mới tương ứng;  + Phù hợp với thời hạn CBTT các nội dung khác; |  |  |
| **Điều 10** | *Hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng* | Đã quy định tại Điều 2 Nghị định 58 |  |  |  |  |
| **Điều 11** | *Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần* |  | Quy định dẫn chiếu đến quy định của Luật và có hướng dẫn chi tiết thành phần hồ sơ. | Lý do: cần thiết phải có hướng dẫn chi tiết đối với một số thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của Luật Chứng khoán:   * Luật Chứng khoán có quy định về thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Tuy nhiên, *một* số tài liệu trong hồ sơ chưa chi tiết, do đó có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc áp dụng cũng như trong quản lý của cơ quan nhà nước; * Quy định hiện tại, thành phần hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng được hướng dẫn tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC và có hướng dẫn chi tiết từng thành phần hồ sơ;   Tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn cụ thể hồ sơ các hoạt động, tuy nhiên đảm bảo nguyên tắc không quy định thêm về thủ tục cũng như thành phần hồ sơ so với quy định tại Luật Chứng khoán. Đối với một số tài liệu cụ thể cần có hướng dẫn để áp dụng thống nhất, tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn chi tiết và bổ sung các mẫu biểu cần thiết (tương tự như Thông tư 162/2015/TT-BTC). |  |  |
| **Điều 12** | *Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng* |  | Quy định về hồ sơ theo các tài liệu quy định tại khoản 2 Điêu 18 Luật và có hướng dẫn chi tiết | Lý do: cần thiết phải có hướng dẫn chi tiết đối với một số thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của Luật Chứng khoán:   * Luật Chứng khoán có quy định về thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Tuy nhiên, *một* số tài liệu trong hồ sơ chưa chi tiết, do đó có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc áp dụng cũng như trong quản lý của cơ quan nhà nước; * Quy định hiện tại, thành phần hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng được hướng dẫn tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC và có hướng dẫn chi tiết từng thành phần hồ sơ;   Tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn cụ thể hồ sơ các hoạt động, tuy nhiên đảm bảo nguyên tắc không quy định thêm về thủ tục cũng như thành phần hồ sơ so với quy định tại Luật Chứng khoán. Đối với một số tài liệu cụ thể cần có hướng dẫn để áp dụng thống nhất, tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn chi tiết và bổ sung các mẫu biểu cần thiết (tương tự như Thông tư 162/2015/TT-BTC). |  |  |
| **Điều 13** | *Điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông trong công ty đại chúng* | Nghị định 58 có quy định về điều kiện cổ đông lớn chào bán cổ phiếu của cổ đông lớn sở hữu trong công ty đại chúng | + Sửa đổi thành quy định cổ đông chào bán cổ phiếu của cổ đông lớn sở hữu trong công ty đại chúng  + Bổ sung các điều kiện tương ứng với quy định chào bán thêm cổ phiếu ra tại Luật Chứng khoán (là các quy định tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC được luật hóa);  + Bổ sung quy định về đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoái; | + Luật Chứng khoán giao hướng dẫn (không phân biệt cổ đông lớn/nhỏ trong công ty đại chúng);  + Bổ sung điều kiện tương ứng với quy định trong Luật nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các hoạt động.  + Đáp ứng yêu cầu quản lý thực tế khi nhiều doanh nghiệp phương án chào bán không tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. |  |  |
| **Điều 14** | *Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông trong công ty đại chúng* | Thông tư số 162/2015/TT-BTC có quy định về hồ sơ cổ đông lớn đăng ký chào bán cổ phiếu của cổ đông lớn sở hữu trong công ty đại chúng | + Sửa đổi thành quy định cổ đông chào bán cổ phiếu của cổ đông lớn sở hữu trong công ty đại chúng  + Bổ sung các tài liệu tương ứng với quy định về chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tại Luật Chứng khoán (là các quy định tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC được luật hóa tại phần chào ba);  + Bổ sung quy định về đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoái; | + Luật Chứng khoán giao hướng dẫn (không phân biệt cổ đông lớn/nhỏ trong công ty đại chúng);  + Bổ sung thêm các tài liệu tương ứng với quy định trong Luật nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các hoạt động;  + Đáp ứng yêu cầu quản lý thực tế khi nhiều doanh nghiệp phương án chào bán không tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. |  |  |
| **Điều 15**  **Điều 16** | *Chào bán cổ phiếu ra công chúng để chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần* |  | + Quy định mới  + Quy định tương ứng với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán; | + Luật Chứng khoán giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác;  + Luật doanh nghiệp có quy định về việc chuyển đổi doanh công ty TNHH thành công ty cổ phần do đó tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn về hoạt động phát hành này; |  |  |
| **Điều 17**  **Điều 18** | *Chào bán cổ phiếu ra công chúng với giá thấp hơn mệnh giá* |  | + Quy định mới  + Quy định điều kiện tương tự hoạt động chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tại Điều 11 dự thảo  + Điều kiện giá giao dịch thấp hơn mệnh giá;  + Có đủ thặng dư vốn cổ phần đủ để bù đắp phần thặng dư vốn âm do phát hành dưới mệnh giá | + Luật giao hướng dẫn;  + Doanh nghiệp có giá giao dịch dưới mệnh giá, khó khăn trong quá trình huy động thêm vốn. Dó đó, quy định về giá giao dịch được xác định tại 02 khoảng thời gian đủ dài trước thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ và nộp hồ sơ để góp phần hạn chế việc doanh nghiệp lợi dụng quy định để phát hành dưới mệnh giá.  + Mặc dù pháp luật kế toán cho phép việc ghi nhận thặng dư âm. Luật doanh nghiệp có quy định việc cổ đông phải góp đủ vốn, trường hợp không góp đủ vốn thì thực hiện điều chỉnh giảm vốn điều lệ, tuy nhiên quy định này áp dụng đối với trường hợp góp vốn lần đầu, không đề cập đến việc góp vốn thêm của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để đảm bảo tính cẩn trọng và tránh trường hợp vốn góp nhỏ hơn vốn điều lệ (ghi nhận theo mệnh giá), tại dự thảo quy định điều kiện có đủ thặng dư vốn cổ phần đủ để bù đắp phần thặng dư vốn âm do phát hành dưới mệnh giá. |  |  |
| **Điều 19** | *Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng* | Luật Chứng khoán 2006, Nghị định 58, Nghị định 60 đã có quy định | + Điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán  + Bổ sung điều kiện về có kết quả xếp hạng tín nhiệm | + Luật giao hướng dẫn và xác định lộ trình áp dụng. |  |  |
| **Điều 20** | *Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng* | Quy định tại Luật Chứng khoán 2006, Nghị định 58, Nghị định 60, Thông tư 162/2015/TT-BTC | + Quy định thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán và có hướng dẫn chi tiết;  + Bổ sung điều kiện về có kết quả xếp hạng tín nhiệm; | Lý do: cần thiết phải có hướng dẫn chi tiết đối với một số thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của Luật Chứng khoán:   * Luật Chứng khoán có quy định về thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Tuy nhiên, *một* số tài liệu trong hồ sơ chưa chi tiết, do đó có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc áp dụng cũng như trong quản lý của cơ quan nhà nước; * Quy định hiện tại, thành phần hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng được hướng dẫn tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC và có hướng dẫn chi tiết từng thành phần hồ sơ;   Tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn cụ thể hồ sơ các hoạt động, tuy nhiên đảm bảo nguyên tắc không quy định thêm về thủ tục cũng như thành phần hồ sơ so với quy định tại Luật Chứng khoán. Đối với một số tài liệu cụ thể cần có hướng dẫn để áp dụng thống nhất, tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn chi tiết và bổ sung các mẫu biểu cần thiết (tương tự như Thông tư 162/2015/TT-BTC).  Bổ sung tài liệu về kết quả xếp hạng tín nhiệm tương ứng ứng điều kiện tại Điều 17 Dự thảo. |  |  |
| **Điều 21** | *Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60, Thông tư 162/2015/TT-BTC | Điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán | Viết lại do một số điều kiện cần hướng dẫn rõ hơn. |  |  |
| **Điều 22** | *Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60, Thông tư 162/2015/TT-BTC | Quy định thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Luật Chứng khoán và có hướng dẫn chi tiết; | Lý do: cần thiết phải có hướng dẫn chi tiết đối với một số thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của Luật Chứng khoán:   * Luật Chứng khoán có quy định về thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Tuy nhiên, một số tài liệu trong hồ sơ chưa chi tiết, do đó có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc áp dụng cũng như trong quản lý của cơ quan nhà nước; * Quy định hiện tại, thành phần hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng được hướng dẫn tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC và có hướng dẫn chi tiết từng thành phần hồ sơ; |  |  |
| **Điều 23** | *Điều kiện chào bán trái phiếu có đảm bảo ra công chúng* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60 | +Sửa đổi quy định bảo lãnh thanh toán: Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (thay cho bảo lãnh của bất kỳ tổ chức nào như hiện tại)  + Bổ sung quy định bảo đảm bằng nguồn thu của tổ chức phát hành. Tổ chức phát hành có trách nhiệm xác định rõ nguồn thu và các biện pháp quản lý nguồn thu để đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu. | + Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác;  + Chỉ quy định bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do đây là các tổ chức có uy tín và hoạt động với các giới hạn về an toàn tài chính chặt chẽ theo quy định của pháp luật các tổ chức tín dụng. Đối với các tổ chức khác có thể bảo đảm thanh toán trái phiếu cho tổ chức phát hành theo phương thức bảo đảm bằng tài sản (khoản 2 Điều 23)  + Bổ sung thêm hình thức bảo đảm bằng nguồn thu nhằm đảm đáp ứng nhu cầu phát sinh thực tế của doanh nghiệp có tài sản trong tương lai có thể đảm bảo cho việc thanh toán trái phiếu. |  |  |
| **Điều 24** | *Đại diện người sở hữu trái phiếu* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60 (quy định về những đối tượng không được làm đại diện sở hữu trái phiếu) | + Quy định những đối tượng không được làm đại diện sở hữu trái phiếu  + Quy định rõ trách nhiệm của Đại diện người sở hữu trái phiếu là nhận, quản lý tài sản bảo đảm. Trường hợp không được phép nhận thì được chỉ định bên thứ 3 nhận thay và phải có hợp đồng giữa các bên.  + Bổ sung thêm trách nhiệm của người đại diện sở hữu trái phiếu. | Nhằm làm rõ trách nhiệm của người đại diện sở hữu trái phiếu để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư cũng như đáp ứng yêu cầu quản lý. |  |  |
| **Điều 25** | *Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu có đảm bảo ra công chúng* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60, Thông tư 162/2015/TT-BTC | + Bổ sung tài liệu tương ứng với quy định mới tại Luật Chứng khoán về phát hành trái phiếu (bằng cách tham chiếu đến quy định tại Điều 17 dự thảo);  + Bổ sung tài liệu về hợp đồng giữa các bên trong trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận tài sản bảo đảm;  + Bổ sung quy định văn bản chứng minh việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản được dùng để bảo đảm phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;  + Bổ sung tài liệu chứng minh về bảo đảm bảo đảm bằng nguồn thu tương ứng điều kiện tại Điều 23 dự thảo | + Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác;  + Hồ sơ tương ứng với điều kiện chào bán;  + Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khi đăng ký tài sản bảo đảm; tránh trường hợp tài sản bảo đảm đi đăng ký nhưng lại không được phép chào bán. |  |  |
| **Điều 26** | *Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng bằng đồng Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60 | Không thay đổi | Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác; |  |  |
| **Điều 27** | *Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng bằng đồng Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60, Thông tư 162/2015/TT-BTC | Không thay đổi | Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác; |  |  |
| **Điều 28** | *Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng cho nhiều đợt chào bán* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60 | Không thay đổi | Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác; |  |  |
| **Điều 29** | *Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho nhiều đợt chào bán* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60, Thông tư 162/2015/TT-BTC | Không thay đổi | Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác; |  |  |
| **Điều 30** | *Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty hình thành sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60 (quy định việc chào bán chứng khoán ra công chúng của doanh nghiệp hình thành sau hợp nhất, sáp nhập) | + Quy định thay đổi nội hàm của đối tượng điều chỉnh. Áp dụng đối với công ty sau tái cơ cấu  “*Tái cơ cấu doanh nghiệp* là hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản hoặc bộ phận kinh doanh mà các hoạt động này làm thay đổi từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên”  + Thay đổi quy định về thời gian được phép chào bán sau tái cơ cấu doanh nghiệp: Được phép chào bán chứng khoán ngay sau khi tái cơ cấu. Bổ sung quy định việc xác định điều kiện chào bán căn cứ trên Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước | Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác;  Lý do sửa đổi: Quy định hiện tại chưa tạo thuận lợi cho các việc huy động vốn của doanh nghiệp và chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý. Quy định hiện tại có các bất cập sau:  + Quy định áp dụng chung cho các trường hợp hợp nhất, sáp nhập; không tính đến quy mô và mức độ ảnh hưởng của các giao dịch này đối với công ty sau hợp nhất, sáp nhập;  + Quy định hiện tại không điều chỉnh được trường hợp các doanh nghiệp lách khi tiến hành nhập doanh nghiệp lại với nhau nhưng duy trì công ty còn lại dưới tư các công ty TNHH 100% vốn của tổ chức phát hành (lách quy định sáp nhập doanh nghiệp).  + Quy định hiện tại không điều chỉnh được trường hợp doanh nghiệp có hoạt động mua, bán tài sản doanh nghiệp dẫn đến thay đổi về chất của doanh nghiệp;  + Quy định hiện tại không tạo được sự công bằng cho các doanh nghiệp, do các công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện như ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không cho phép các công ty được sở hữu công ty con cùng ngành.  Do vậy tại dự thảo Nghị định có đưa ra quy định về việc điều chỉnh các hoạt động chào bán đối với các công ty sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp (thay đổi 35% tổng giá trị tài sản – mức thay đổi được coi là quan trọng phải được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Luật Doanh nghiệp).  Dự thảo Nghị định tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sau tái cơ cấu có thể được chào bán chứng khoán luôn trong năm tái cơ cấu (không phải chờ sau 01 năm như quy định hiện hành). Tuy nhiên, tổ chức phát hành phải có Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được kiểm toán để đánh giá các điều kiện chào bán. |  |  |
| **Điều 31** | *Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty hình thành sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60, Thông tư 162/2015/TT-BTC | + Hồ sơ dẫn chiếu đến quy định chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng;  + Bổ sung Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được kiểm toán để đánh giá các điều kiện chào bán. | + Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác;  + Hồ sơ bổ sung tương ứng các điều kiện chào bán |  |  |
| **Điều 32**  **Điều 33** | *Đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty hình thành sau quá trình hợp nhất không thuộc trường hợp tái cơ cấu* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60, Thông tư 162/2015/TT-BTC | Quy định trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty đại chúng hình thành sau hợp nhất đối với trường hợp hợp nhất làm thay đổi dưới 35% tổng giá trị tài sản căn cứ trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp có tổng tài sản lớn nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Cụ thể đối với trường hợp này, doanh nghiệp được chào bán thêm cổ phiếu ngay trong năm hợp nhất thay vì phải chờ 01 năm như quy định cũ. | + Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác;  + Sự cần thiết phải có quy định: Như lý do nêu tại Điều 30 dự thảo Nghị định. |  |  |
| **Điều 34**  **Điều 35** | *Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty hình thành sau chia, tách doanh nghiệp* | Chưa có quy định | 1. Quy định điều kiện, hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty hình thành sau tách doanh nghiệp tương tự như quy định về chào bán của doanh nghiệp hình thành sau sáp nhập doanh nghiệp, theo đó quy định việc sử dụng báo cáo tài chính để xem xét điều kiện chào bán. Cụ thể:  a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm tách và tổng tài sản các doanh nghiệp được tách dưới 35% tổng giá trị tài sản của công ty trước khi tách: báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của doanh nghiệp trước khi tách, báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành;  b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm tách và tổng giá trị tài sản các doanh nghiệp được tách từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp trước khi tách: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm trước liền kề năm tách được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành;  c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm tách: báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm tách kết thúc ngày 31 tháng 12 năm tách được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có);  d) Trường hợp công ty đăng ký chào bán từ năm thứ hai liền sau năm tách trở đi: Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có);  2. Quy định việc chào bán của doanh nghiệp hình thành sau chia doanh nghiệp thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng, có nghĩa phải sử dụng báo cáo tài chính kiểm toán 02 năm của doanh nghiệp hình thành sau chia doanh nghiệp. | + Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác;  + Quy định phát sinh từ thực tế phát sinh và tương ứng với quy định về niêm yết.  + Sự cần thiết phải có quy định: Như lý do nêu tại Điều 30 dự thảo Nghị định. |  |  |
| **Điều 36**  **Điều 37**  **Điều 38** | *Chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam của doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài* | Quy định tại Nghị định 58, Nghị định 60 | Bổ sung thêm các điều kiện, hồ sơ tương ứng với chào bán chứng khoán ra công chúng quy định tại Luật:  + Mở tài khoản phong tỏa  + Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ.  + Cam kết với nhà đầu tư về việc thanh toán, đảm bảo quyền của nhà đầu tư đối với việc phát hành trái phiếu. | + Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán khác;  + Đảm bảo tính thống nhất trong quy định theo các hoạt chào bán chứng khoán ra công chúng quy định tại Luật Chứng khoán; |  |  |
| **Điều 39** | *Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt* | Chưa có quy định | Quy định mới:  1. Đáp ứng điều kiện tương ứng về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Luật Chứng khoán và quy định tại Nghị định này; ngoại trừ điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi, không có lỗ lũy kế, không có các khoản nợ quá hạn trên 01 năm (đối với chào bán trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền);  2. Có phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;  3. Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận đề nghị tăng vốn điều lệ hoặc chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật các tổ chức tín dụng. | + Luật giao hướng dẫn  + Tình hình kinh doanh các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là xấu, do đó tại dự thảo Nghị định không quy định về điều kiện kinh doanh có lãi (khoản 1, 2 Điều 15 Luật Chứng khoán).  + Quy định giản lược các điều kiện chào bán, do các doanh nghiệp này để được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cần có chủ trương phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về phương án cơ cấu lại doanh nghiệp |  |  |
| **Điều 40** | *Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt* | Chưa có quy định | Quy định mới  1. Tài liệu tương ứng quy định về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 17, Điều 19, Điều 22 Nghị định này;  2. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;  3. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận đề nghị tăng vốn điều lệ hoặc phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật các tổ chức tín dụng | + Luật giao hướng dẫn  + Quy định hồ sơ tương ứng với điều kiện chào bán; |  |  |
| **Điều 41** | *Trình tự, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng* | Quy định tại Nghị định 60 và Thông tư 162/2015/TT-BTC | + Quy định các nội dung tương tự quy định tại Nghị định 60 và Thông tư 162/2015/TT-BTC  + Làm rõ phương tiện công bố thông tin khi công bố thông báo phát hành, báo cáo kết quả chào bán: công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có), Sở giao dịch chứng khoán.  + Bổ sung quy định về quy trình xử lý khi doanh nghiệp thuộc diện phải hủy kết quả chào bán. | + Luật giao quy định chi tiết;  + Đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Hướng dẫn cụ thể để các doanh nghiệp có cơ chế thực hiện;  + Bổ sung theo quy định về hủy kết quả chào bán tại Điều 28 Luật Chứng khoán. |  |  |
| **Điều 42** | *Xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký và nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn* | Nghị định số 60/2015/NĐ-CP | Quy định cũ |  |  |  |
| **Điều 43** | *Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán* | + Quy định tại Luật Chứng khoán về chào bán chứng khoán riêng lẻ  + Quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP về chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng  + Quy định tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP về chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng | + Quy định hồ sơ tương ứng với điều kiện chào bán quy định tại Khoản 1, 3 Điều 31 Luật Chứng khoán;  + Bổ sung quy định những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết thông quan Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. | + Luật giao quy định chi tiết;  + Đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Đảm bảo tính khách quan trong quyết định; tránh xung đột lợi ích; tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp; |  |  |
| **Điều 44** | *Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng* |  | Quy định hồ sơ tương ứng với điều kiện chào bán quy định tại Khoản 5 Điều 31 Luật Chứng khoán; | Luật giao quy định chi tiết; |  |  |
| **Điều 45**  **Điều 46** | *Chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá thấp hơn mệnh giá* |  | + Quy định mới  + Điều kiện giá giao dịch thấp hơn mệnh giá;  + Có đủ thặng dư vốn cổ phần đủ để bù đắp phần thặng dư vốn âm do phát hành dưới mệnh giá;  + Điều kiện về nhà đầu tư: chỉ nhà đầu tư chiến lược được mua cổ phiếu dưới mệnh giá. Hạn chế chuyển nhượng 03 năm;  + Bổ sung quy định những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết thông quan Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.  + Các điều kiện khác quy định tương tự hoạt động chào bán cổ phiếu riêng lẻ; | + Luật giao hướng dẫn;  + Doanh nghiệp có giá giao dịch dưới mệnh giá, khó khăn trong quá trình huy động thêm vốn. Dó đó, quy định về giá giao dịch được xác định tại 02 khoảng thời gian đủ dài trước thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ và nộp hồ sơ để góp phần hạn chế việc doanh nghiệp lợi dụng quy định để phát hành dưới mệnh giá.  + Mặc dù pháp luật kế toán cho phép việc ghi nhận thặng dư âm. Luật doanh nghiệp có quy định việc cổ đông phải góp đủ vốn, trường hợp không góp đủ vốn thì thực hiện điều chỉnh giảm vốn điều lệ, tuy nhiên quy định này áp dụng đối với trường hợp góp vốn lần đầu, không đề cập đến việc góp vốn thêm của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để đảm bảo tính cẩn trọng và tránh trường hợp vốn góp nhỏ hơn vốn điều lệ (ghi nhận theo mệnh giá), tại dự thảo quy định điều kiện có đủ thặng dư vốn cổ phần đủ để bù đắp phần thặng dư vốn âm do phát hành dưới mệnh giá.  + Đảm bảo đúng mục tiêu nhà đầu tư chiến lược tham gia với mục đích hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn  + Đảm bảo tính khách quan trong quyết định; tránh xung đột lợi ích; tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp;  + Đáp ứng yêu cầu quản lý; |  |  |
| **Điều 47**  **Điều 48** | *Chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ* |  | + Quy định mới  + Quy định tương tự điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ  + Bổ sung điều kiện về thực hiện quyền của chứng quyền; phương án sử dụng vốn khi phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền.  + Bổ sung quy định những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết thông quan Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. | + Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Tạo cơ chế chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền cho doanh nghiệp;  + Đảm bảo tính khách quan trong quyết định; tránh xung đột lợi ích; tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp; |  |  |
| **Điều 49** | *Thủ tục đăng ký chào bán chứng khoán riêng lẻ* | Quy định tại Nghị định 60 | + Bổ sung quy định sau khi nhận được thông báo xác nhận kết quả chào bán bằng văn bản từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tổ chức phát hành được giải tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán.  + Làm rõ phương tiện công bố thông tin khi công bố thông báo phát hành, báo cáo kết quả chào bán: công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có), Sở giao dịch chứng khoán. | + Luật giao quy định chi tiết;  + Bổ sung tương ứng với quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng  + Hướng dẫn cụ thể để các doanh nghiệp có cơ chế thực hiện; |  |  |
| **Điều 50**  **Điều 51** | *Công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp cho số cổ đông, thành viên góp vốn xác định của công ty cổ phần chưa đại chúng, công ty trách nhiệm hữu hạn* | Quy định tại Nghị định 60 | + Quy định các nội dung tương tự quy định tại Nghị định 60  + Bổ sung thêm quy định về tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài;  + Bỏ quy định về tuân thủ các điều kiện theo quy định pháp luật có liên quan.  + Bổ sung quy định những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết thông quan Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Bổ sung thêm quy định về tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, phù hợp với các phát sinh thực tế.  + Doanh nghiệp thực hiện phát hành cổ phiếu ngoài việc tuân thủ quy định tại pháp luật chứng khoán đương nhiêm phải tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan. Không quy định tại Nghị định về điều kiện này, một phần nhằm giảm thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, tại mẫu Giấy đăng ký chào bán/phát hành có thiết kế nội dung kê khai của doanh nghiệp về việc tuân thủ quy định của pháp luật liên quan về việc phát hành, do đó vẫn đảm bảo tính chặt chẽ của hồ sơ.  + Đảm bảo tính khách quan trong quyết định; tránh xung đột lợi ích; tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp; |  |  |
| **Điều 52**  **Điều 53** | *Công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác* | Quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP, Nghị định số 60/2015/NĐ-CP | + Quy định cũ;  + Bổ sung điều kiện có chấp thuận về nguyên tắc bằng văn bản của các đối tượng được hoán đổi về việc hoán đổi;  + Bổ sung quy định trường hợp hoán đổi cổ phiếu dẫn đến tỷ lệ sở hữu của tổ chức phát hành tại công ty đại chúng khác đến mức phải chào mua công khai theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán, việc hoán đổi phải được Đại hội đồng cổ đông của công ty đại chúng có cổ phiếu được hoán đổi thông qua.  + Bổ sung quy định những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết thông quan Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. | + Do đây là chào bán riêng lẻ, phải có sự chấp thuận chuyển nhượng của hai bên. Bổ sung nhằm phù hợp với thực tế phát sinh.  + Quy định nhằm phù hợp với quy định chào mua công khai tại Luật Chứng khoán.  + Đảm bảo tính khách quan trong quyết định; tránh xung đột lợi ích; tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp; |  |  |
| **Điều 54**  **Điều 55** | *Công ty cổ phần phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu cho số cổ đông không xác định của công ty đại chúng khác* | Quy định tại Nghị định 58, Thông tư số 162 | + Quy định các nội dung tương tự quy định tại Nghị định 60 và Thông tư 162/2015/TT-BTC;  + Bổ sung thêm quy định về tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài;  + Có BCTC 2 năm gần nhất được kiểm toán của tổ chức phát hành; BCTC năm gần nhất của công ty có cổ phần được hoán đổi (thay vì BCTC 01 năm của công ty có cổ phần được hoán đổi);  + Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm e, g, h khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán (không thuộc trường hợp truy cứu trách nhiệm hình sự; có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ, niêm yết/đăng ký giao dịch sau phát hành). | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Bổ sung thêm quy định về tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, phù hợp với các phát sinh thực tế.  + Bổ sung BCTC 02 năm của tổ chức phát hành đảm bảo thống nhất với quy định chào bán cổ phiếu ra công chúng quy định tại Luật Chứng khoán.  + Bổ sung điều kiện này đảm bảo thống nhất với quy định chào bán cổ phiếu ra công chúng quy định tại Luật Chứng khoán |  |  |
| **Điều 56** | *Điều kiện đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập* | Quy định tại Nghị định 58 | + Hoạt động điều chỉnh: phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu, phần vốn góp theo hợp đồng hợp nhất giữa công ty đại chúng và các công ty tham gia hợp nhất khác. Đối tượng: bổ sung thêm đối tượng tham gia hợp nhất là các công ty cổ phần, công ty TNHH  + Bổ sung thêm quy định về tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài;  + Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm e, g, h khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán (không thuộc trường hợp truy cứu trách nhiệm hình sự; có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ, niêm yết/đăng ký giao dịch sau phát hành).  + Điều kiện khác tương tự điều kiện quy định tại Nghị định 58; | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) thay đổi nội hàm của hoạt động hợp nhất doanh nghiệp, theo đó quy định hoạt động hợp nhất được thực hiện giữa các doanh nghiệp (thay vì các doanh nghiệp cùng hình thức hoạt động)  + Bổ sung thêm quy định về tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, phù hợp với các phát sinh thực tế.  + Bổ sung điều kiện này đảm bảo thống nhất với quy định chào bán cổ phiếu ra công chúng quy định tại Luật Chứng khoán |  |  |
| **Điều 57** | *Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập* | Quy định tại Thông tư số 162 | + Hồ sơ tương tự thành phần hồ sơ quy định tại Thông tư số 162;  + Bổ sung các tài liệu tương ứng với điều kiện quy định tại Điều 55 dự thảo | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp  + Phù hợp với tình hình thực tế; |  |  |
| **Điều 58**  **Điều 59** | *Chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ* | Quy định tại Nghị định 60 | + Sửa quy định: Các khoản nợ được phép hoán đổi phải là các khoản nợ được trình bày trong báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (thay cho quy định trình bày trong BCTC soát xét/kiểm toán)  + Bổ sung thêm quy định về tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài; không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp;  + Bổ sung quy định những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết thông quan Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.  + Các điều kiện khác tương tự quy định tại Nghị định 60. | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Điều kiện về khoản nợ: Mục đích quy định về khoản nợ được trình bày trên BCTC và được ĐHĐCĐ thông qua nhằm xác định khoản nợ có thật, đủ lâu nhằm đảm bảo tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi của cổ đông (tránh trường hợp lách quy định bằng cách khoản nợ trình bày trên BCTC soát xét và được thông qua ĐHĐCĐ ngày sau đó).  + Đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật liên quan;  + Đảm bảo tính khách quan trong quyết định; tránh xung đột lợi ích; tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp; |  |  |
| **Điều 60** | *Trình tự, thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi* | Quy định tại Thông tư số 162 | Quy định dẫn chiếu đến thủ tục đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng và chào bán riêng lẻ tương tự như quy định cũ tại Nghị định 60, Thông tư số 162 | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác; |  |  |
| **Điều 61** | *Điều kiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức* | Quy định tại Nghị định 58, Thông tư số 162 | + Bổ sung quy định về có cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với việc phát hành của tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.  + Các điều kiện khác tương tự quy định tại Thông tư số 162 | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Phù hợp với tình hình thực tế, ví dụ việc phát hành của ngân hàng thương mại phải có chấp thuận của NHNN |  |  |
| **Điều 62** | *Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức* | Quy định tại Thông tư số 162 | + Bổ sung văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với việc phát hành của tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.  + Các tài liệu khác tương tự quy định tại Thông tư số 162 | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Phù hợp với tình hình thực tế, ví dụ việc phát hành của ngân hàng thương mại phải có chấp thuận của NHNN |  |  |
| **Điều 63** | *Điều kiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu* | Quy định tại Nghị định 58, Thông tư số 162 | + Bổ sung quy định về có cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với việc phát hành của tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.  + Các điều kiện khác tương tự quy định tại Thông tư số 162 | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Phù hợp với tình hình thực tế, ví dụ việc phát hành của ngân hàng thương mại phải có chấp thuận của NHNN |  |  |
| **Điều 64** | *Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu* | Quy định tại Thông tư số 162 | + Bổ sung văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với việc phát hành của tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.  + Các tài liệu khác tương tự quy định tại Thông tư số 162 | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Phù hợp với tình hình thực tế, ví dụ việc phát hành của ngân hàng thương mại phải có chấp thuận của NHNN |  |  |
| **Điều 65** | *Điều kiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty* | Quy định tại Thông tư số 162 | + Bổ sung điều kiện có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với việc phát hành của tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.  + Bổ sung điều kiện tuân thủ quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài;  + Bổ sung điều kiện có tài khoản phong tỏa, trừ trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động  + Các tài liệu khác tương tự quy định tại Thông tư số 162 | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Phù hợp với tình hình thực tế, ví dụ việc phát hành của ngân hàng thương mại phải có chấp thuận của NHNN  + Phù hợp với phát sinh thực tế và đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Phù hợp với phát sinh thực tế và đáp ứng yêu cầu quản lý; |  |  |
| **Điều 66** | *Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty* | Quy định tại Thông tư số 162 | + Bổ sung văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với việc phát hành của tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.  + Bổ sung tài liệu chứng minh tuân thủ quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài;  + Bổ sung văn bản xác nhận mở tài khoản phong tỏa, trừ trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động  + Các tài liệu khác tương tự quy định tại Thông tư số 162 | + Luật giao quy định về trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Phù hợp với tình hình thực tế, ví dụ việc phát hành của ngân hàng thương mại phải có chấp thuận của NHNN  + Phù hợp với phát sinh thực tế và đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Phù hợp với phát sinh thực tế và đáp ứng yêu cầu quản lý; |  |  |
| **Điều 67** | *Chứng khoán của tổ chức nước ngoài thưởng cho người lao động Việt Nam làm việc trong các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam* | Quy định tại Thông tư số 162 | Không thay đổi |  |  |  |
| **Điều 68** | *Tài liệu và thủ tục báo cáo phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi* |  | + Quy định mới  + Tổ chức phát hành thực hiện phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi theo đúng phương án phát hành đã đăng ký. Trường hợp chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trước khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng, cổ phiếu phát hành để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi bị hạn chế chuyển nhượng trong khoảng thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại của trái phiếu chuyển đổi.  + Hướng dẫn báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để chuyển đổi;  + Thời hạn, thủ tục UBCKNN xác nhận kết quả; | + Luật giao quy định về các trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Quy định nhằm phù hợp với thực tế phát sinh của doanh nghiệp |  |  |
| **Điều 69** | *Tài liệu báo cáo và thủ tục phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền* |  | + Quy định mới  + Quy định về trình tự thủ tục báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện quyền  + Thủ tục thông báo phát hành  + Thủ tục báo cáo kết quả phát hành  + Thủ tục UBCKNN xác nhận kết quả phát hành; | + Luật giao quy định về các trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Quy định nhằm phù hợp với thực tế phát sinh của doanh nghiệp |  |  |
| **Điều 70** | *Thủ tục báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động* | Quy định tại Thông tư số 162 | + Bổ sung quy định về tài khoản phong tỏa đối với trường hợp phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, trừ trường hợp thưởng cho CBCNV  + Làm rõ phương tiện công bố thông tin khi công bố thông báo phát hành, báo cáo kết quả chào bán: công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có), Sở giao dịch chứng khoán. | + Luật giao quy định về các trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Quy định nhằm phù hợp với thực tế phát sinh của doanh nghiệp;  + Quy định phương tiện công bố tạo cơ chế rõ ràng cho các doanh nghiệp dễ dàng áp dụng; |  |  |
| **Điều 71** | *Chào bán trái phiếu tại nước ngoài* | Quy định tại Nghị định 58 | Thay đổi đối tượng phải đăng ký với UBCKNN là công ty đại chúng | + Quy định thống nhất đối tượng quản lý; |  |  |
| **Điều 72** | *Điều kiện chào bán cổ phiếu tại nước ngoài của công ty cổ phần* | Quy định tại Nghị định 58 | + Quy định phân tách rõ điều kiện chào bán tại nước ngoài và điều kiện chấp thuận đăng ký chào bán tại nước ngoài.  + Chào bán cổ phiếu tại nước ngoài phải đăng ký với UBCKNN và đáp ứng điều kiện chào bán theo quy định của nước sở tại  + Quy định chấp thuận việc đăng ký chào bán cổ phiếu tại nước ngoài (tương tự Nghị định 58) | + Đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Tách bạch việc đăng ký chấp thuận mang cổ phiếu đi chào bán và việc chào bán tại thị trường nước ngoài.  + Phù hợp với thực tế phát sinh; |  |  |
| **Điều 73** | *Hồ sơ đăng ký chấp thuận việc đăng ký chào bán cổ phiếu, trái phiếu tại nước ngoài* | Quy định tại Thông tư số 162 | + Bổ sung tài liệu: văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia đối với phát hành trái phiếu;  + Bổ sung tài liệu ý kiến pháp lý của công ty tư vấn luật quốc tế về việc phát hành của công ty không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại. | + Phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối  + Quy định phù hợp với thực tế do nhiều thị trường không yêu cầu phải nộp hồ sơ đăng ký; |  |  |
| **Điều 74**  **Điều 75** | *Phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài* | Quy định tại Nghị định 58 | + Quy đinh phân tách trường hợp phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán CCLK và trường hợp phát hành CCLK trên cơ sở số cổ phiếu đang lưu hành tại VN.  + Bổ sung điều kiện Tổ chức phát hành cổ phiếu làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở) là tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam;  + Bổ sung điều kiện có hợp đồng hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký giữa tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài;  + Bổ sung điều kiện có hợp đồng lưu ký giữa tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài với Thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. | + Luật giao hướng dẫn các trường hợp chào bán, phát hành khác;  + Phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tế phát sinh; |  |  |
| **Điều 76**  **Điều 77** | *Đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở số cổ phiếu đang lưu hành tại Việt Nam* | Quy định tại Nghị định 58 | Bổ sung tương ứng các điều kiện, thành phần hồ sơ tại Điều 75, 76 Nghị định này | + Lý do tương tự Điều 75, 76 Nghị định này. |  |  |
| **Điều 78** | *Trình tự, thủ tục đăng ký chấp thuận việc đăng ký chào bán cổ phiếu, trái phiếu tại nước ngoài* | Quy định tại Thông tư số 162 | + Bổ sung quy định về công bố thông tin: trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo chấp thuận việc đăng ký chào bán cổ phiếu, trái phiếu tại nước ngoài, tổ chức phát hành phải công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, Sở giao dịch chứng khoán về việc được chấp thuận đăng ký chào bán cổ phiếu, trái phiếu tại nước ngoài.  + Bổ sung quy định về xác nhận nhận được báo cáo kết quả: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo kết quả chào bán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán cho tổ chức phát hành đồng thời gửi cho Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán .  + Bổ sung quy định về giải tỏa tiền: Sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tổ chức phát hành được yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán. | + Đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Phù hợp với thực tế phát sinh;  + Tạo cơ chế để các doanh nghiệp thực hiện;  + Công bố thông tin minh bạch cho các nhà đầu tư; |  |  |
| **Điều 79** | *Trình tự, thủ tục phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài và đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở số cổ phiếu đang lưu hành tại Việt Nam* | Quy định tại Thông tư số 162 | + Bổ sung quy định về trách nhiệm thông báo về việc nhận được chấp thuận của UBCKNN  + Bổ sung quy định về việc báo cáo kết quả và công bố thông tin: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở số cổ phiếu mới phát hành, tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở phải báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu làm cơ sở cho phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo: văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành và văn bản xác nhận của tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký về kết quả chào bán chứng chỉ lưu ký; đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, Sở giao dịch chứng khoán về kết quả đợt phát hành.  + Bổ sung quy định tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở báo cáo kết quả phát hành, trách nhiệm UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả hoặc hủy kết quả;  + Bổ sung quy định về việc giải tỏa tiền; | + Đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Phù hợp với thực tế phát sinh;  + Tạo cơ chế để các doanh nghiệp thực hiện;  + Công bố thông tin minh bạch cho các nhà đầu tư; |  |  |
| **Điều 80** | *Hủy chứng chỉ lưu ký, phát hành chứng chỉ lưu ký mới tại nước ngoài* | Chưa quy định | + Quy định việc phát hành chứng chỉ lưu ký trên số cổ phiếu đăng ký hoặc thực tế phát hành;  + Quy định việc phát hành CCLK trên số cổ phiếu phát sinh do thực hiện quyền  + Quy định chứng chỉ lưu ký hủy được phép tái phát hành; | + Đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Phù hợp với thực tế phát sinh;  + Tạo cơ chế để các doanh nghiệp thực hiện; |  |  |
| **Điều 81** | *Tỷ lệ sở hữu* | Chưa quy định | + Quy định số cổ phiếu làm cơ sở cho phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài được tính vào số cổ phiếu do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ.  + Quy định tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân tại công ty niêm yết bao gồm tổng số cổ phiếu đang nắm giữ và số cổ phiếu cơ sở đại diện cho số chứng chỉ lưu ký mà tổ chức, cá nhân đó nắm giữ tại nước ngoài. | + Đáp ứng yêu cầu quản lý;  + Phù hợp với thực tế phát sinh; |  |  |
| **Điều 82** | *Nguyên tắc chào mua công khai* |  |  |  |  |  |
|  | *Từ khoản 1 đến khoản 4* | Điều 40 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP. | Kế thừa Điều 40 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP. |  |  |  |
| **Điều 83** | *Các trường hợp chào mua công khai* |  |  |  |  |  |
|  | *Khoản 1, 2* | Điều 41 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP. | Kế thừa Điều 41 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP (bổ sung khoản 3) |  |  |  |
| **Điều 84** | *Thông qua việc không phải chào mua công khai* | Chưa quy định | Bổ sung mới | Bổ sung khoản 3 mới do tiếp thu ý kiến của VBF (tháng 10/2018) và dựa trên căn cứ pháp lý như sau:  Chính phủ hướng dẫn về các điều kiện để được miễn trừ chào mua công khai tại dự thảo Nghị định về nội dung: các cổ đông và người có liên quan đến các cổ đông này sẽ không có quyền biểu quyết và tỷ lệ thông qua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau:  Hiện tại các quy định về việc cổ đông không có quyền biểu quyết các giao dịch có lợi ích liên quan như sau: theo quy định tại khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, nội dung này có liên quan đến quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020, đảm bảo phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020; điểm b khoản 3 Điều 15 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP cổ đông không được tham gia biểu quyết về “*việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông*”. |  |  |
| **Điều 85** | *Hồ sơ đăng ký chào mua công khai* |  |  |  |  |  |
|  | *Khoản 1, 2, 3, 4, 5* | Điều 42 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 42 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | - Bỏ quy định yêu cầu về BCTC năm liền kề được kiểm toán tại hồ sơ đăng ký và chuyển thành Phụ lục CBTT đính kèm Bản công bố thông tin Chào mua công khai để công khai thông tin cho nhà đầu tư.  - Bổ sung 01 khoản quy định về “*Quyết định của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về tập trung kinh tế trong trường hợp chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo”* để đảm bảo đầy đủ tài liệu theo quy định của pháp luật liên quan theo Luật Cạnh Tranh, một doanh nghiệp mua vốn góp hoặc tài sản của một doanh nghiệp khác đủ để kiểm soát hoặc chi phối doanh nghiệp hoặc một ngành, nghề của doanh nghiệp đó có thể phải xin chấp thuận việc tập trung kinh tế của Ủy Ban Cạnh Tranh Quốc Gia trước khi tiến hành thực hiện việc này. |  |  |
| **Điều 86** | *Trình tự, thủ tục đăng ký chào mua* |  |  |  |  |  |
|  | *Khoản 1, 2, 3* | Điều 43 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 43 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP |  |  |  |
|  | *Khoản 4* | Không quy định | Bổ sung mới | Bổ sung về trường hợp ngoại trừ về trình tự, thủ tục đăng ký chào mua công khai cho trường hợp công ty cổ phần phát hành cổ phiếu để chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng khác. Do trình tự thủ tục và hồ sơ đã được quy định tại chương mục về hoạt động phát hành (được quy định tại Điều 53 dự thảo Nghị định). |  |  |
| **Điều 87** | *Trách nhiệm của Hội đồng quản trị công ty mục tiêu hoặc Ban đại diện quỹ đầu tư mục tiêu* |  |  |  |  |  |
|  | *Khoản 1, 2* | Điều 44 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 44 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP |  |  |  |
| **Điều 88** | *Trách nhiệm của người biết thông tin về chào mua công khai* | Điều 45 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 45 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP |  |  |  |
| **Điều 89** | *Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chào mua* |  |  |  |  |  |
|  | *Khoản 1, 2* | Khoản 1, 2 Điều 46 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 46 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP |  |  |  |
|  | *Khoản 3* | Không quy định | Bổ sung mới | Xuất phát từ hoạt động thực tiễn để đảm bảo công khai đầy đủ các thông tin về sở hữu, cần bổ sung nghĩa vụ của Bên chào mua phải công bố bổ sung các thông tin khác tại Bản CBTT chào mua công khai bao gồm: a) Số lượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng quyền, quyền mua, chứng chỉ quỹ đóng của công ty mục tiêu, quỹ đầu tư mục tiêu mà tổ chức, cá nhân chào mua và người có liên quan sở hữu hoặc gián tiếp sở hữu thông qua bên thứ ba; b) Các giao dịch, cam kết liên quan đến cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của công ty mục tiêu, quỹ đầu tư mục tiêu. |  |  |
| **Điều 90** | *Nghĩa vụ của công ty chứng khoán làm đại lý chào mua công khai* |  |  |  |  |  |
|  | *Khoản 1, 2, 3* | Điều 47 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 47 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP |  |  |  |
| **Điều 91** | *Nguyên tắc xác định giá chào mua công khai* | Điều 48 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 48 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP |  |  |  |
| **Điều 92** | *Rút lại đề nghị chào mua công khai* | Điều 49 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 49 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP |  |  |  |
| **Điều 93** | *Giao dịch chào mua công khai* | Điều 50 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 50 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP |  |  |  |
| **Điều 94** | *Tiếp tục chào mua công khai* | Điều 51 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 51 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP |  |  |  |
| **Điều 95** | *Báo cáo và công bố thông tin về kết quả chào mua công khai* | Điều 52 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP | Kế thừa Điều 52 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP |  |  |  |
| **Điều 96** | *Điều khoản giao Bộ Tài chính* | Điều mới |  | Các nội dung hướng dẫn thực hiện việc chào bán, phát hành, chào mua công khai được giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn để đảm bảo tính linh hoạt của quy định. |  |  |
| **Điều 97** | *Điều kiện trở thành thành viện giao dịch* | Hiện quy định tại Quy chế thành viên giao dịch của 2 SGDCK (đối với thị trường cơ sở) và Thông tư 30/2019/TT-BTC (đối với TVGD công cụ nợ). | Quy định các điều kiện trở thành thành viên của SGDCK Việt Nam, nhưng vẫn đảm bảo để SGDCK có thể hướng dẫn cụ thể tại Quy chế thành viên.  Ngoài ra, bổ sung điều kiện sau khi là TVGD phải có hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán chứng khoán với thành viên bù trừ (trong trường hợp không là thành viên bù trừ) đối với thị trường cơ sở. | Bổ sung theo quy định giao tại Điều 47 Luật Chứng khoán.  Bổ sung quy định TVGD phải là thành viên bù trừ hoặc có hợp đồng với thành viên bù trừ chung để phù hợp với cơ chế thanh toán giao dịch theo phương thức CCP. |  |  |
| **Điều 98** | *Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch* | Hiện quy định tại Quy chế thành viên giao dịch của 2 SGDCK (đối với thị trường cơ sở) và Thông tư 30/2019/TT-BTC (đối với TVGD công cụ nợ). | Quy định tương ứng với điều kiện đăng ký TVGD đồng thời giảm bớt hồ sơ như quy định cũ, theo đó, ngoài Giấy đề nghị đăng ký TVGD chỉ cần bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, Giấy chứng nhận thành viên lưu ký (TVGD thị trường công cụ nợ) hoặc Giấy chứng nhận thành viên bù trừ hoặc Giấy chứng nhận thành viên lưu ký và hợp đồng ủy thác bù trừ thanh toán với thành viên bù trừ chung (TVGD thị trường cơ sở). Ngoài ra, tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu hạ tầng công nghệ, quy trình nghiệp vụ, nhân sự của SGDCK được quy định tại Quy chế của Sở để đảm bảo phù hợp với sự phát triển của hệ thống giao dịch, đảm bảo linh hoạt trong quá trình hợp nhất Sở GDCK thời gian tới. | Bổ sung theo quy định tại Điều 47 Luật Chứng khoán |  |  |
| **Điều 99** | *Điều kiện trở thành thành viên giao dịch đặc biệt, Kho bạc nhà nước tham gia giao dịch công cụ nợ* | Điều 5 Thông tư 30/2019/TT-BTC | Đưa từ Thông tư 30 vào dự thảo | Bổ sung theo quy định tại Điều 47 Luật Chứng khoán.  Do KBNN là đối tượng đặc thù, giao dịch TPCP theo quy định về quản lý ngân quỹ nhà nước nên tách riêng quy định về KBNN, không gộp chung là thành viên giao dịch đặc biệt do thành viên giao dịch đặc biệt phải tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo Điều 47 Luật Chứng khoán, |  |  |
| **Điều 100** | *Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt, Kho bạc nhà nước tham gia giao dịch công cụ nợ* | Điều 7 Quy chế giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương (Quy chế công cụ nợ). | Đưa từ Quy chế công cụ nợ vào dự thảo, đồng thời, quy định hồ sơ tương ứng với điều kiện. | Bổ sung theo quy định tại Điều 47 Luật Chứng khoán |  |  |
| **Điều 101** | *Trình tự, thủ tục đăng ký thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, Kho bạc nhà nước tham gia giao dịch công cụ nợ* | Hiện quy định tại Quy chế thành viên giao dịch của 2 SGDCK, quy chế công cụ nợ | Chỉ quy định một số mốc chính, đảm bảo SGDCK có thể hướng dẫn tại Quy chế về thủ tục cụ thể đăng ký thành viên | Bổ sung theo quy định tại Điều 47 Luật Chứng khoán.  Quy định thống nhất về trình tự thủ tục đăng ký thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt, KBNN. |  |  |
| **Điều 102** | *Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên giao dịch của công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, sáp nhập* | Hiện quy định tại Quy chế thành viên giao dịch của 2 SGDCK, quy chế công cụ nợ | Quy định cụ thể các trường hợp đăng ký thành viên giao dịch của CTCK hình thành sau hợp nhất, sáp nhập | Đảm bảo cơ sở pháp lý và bảo vệ quyền lợi của khách hàng để các CTCK có thể thực hiện giao dịch ngay cho khách hàng sau khi thực hiện tái cơ cấu. |  |  |
| **Điều 103** | *Tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, Kho bạc nhà nước tự nguyện hủy bỏ tham gia giao dịch công cụ nợ* | Hiện quy định tại Quy chế thành viên giao dịch của 2 SGDCK, Quy chế công cụ nợ | Đơn giản hơn so với quy định hiện hành, chỉ bao gồm:  - Giấy đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên theo Mẫu số 25 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;  - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu thông qua việc hủy bỏ tư cách thành viên;  - Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu thông qua phương án xử lý nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác chưa hoàn thành đối với Sở giao dịch chứng khoán.  Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, hồ sơ bao gồm tài liệu quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều này.  Đối với Kho bạc nhà nước, hồ sơ chỉ có Giấy đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên. | Đảm bảo quyền lợi và nhu cầu của TVGD và khách hàng của TVGD. |  |  |
| **Điều 104** | *Trình tự, thủ tục tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, Kho bạc nhà nước tự nguyện hủy bỏ tham gia giao dịch công cụ nợ* | Hiện quy định tại Quy chế thành viên giao dịch của 2 SGDCK, Quy chế công cụ nợ | Thống nhất về trình tự, thủ tục thực hiện đăng ký thành viên và thành viên giao dịch đặc biệt, KBNN. | Đảm bảo quyền lợi của TVGD và khách hàng của TVGD |  |  |
| **Điều 105** | *Đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên* | Hiện quy định tại Quy chế thành viên giao dịch của 2 SGDCK, Quy chế công cụ nợ | Quy định một số trường hợp điển hình thành viên bị SGDCK đình chỉ hoạt động giao dịch. Các trường hợp khác giao Quy chế của SGDCK quy định. | Việc quy định các trường hợp đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Một số trường hợp khác như không thực hiện nghĩa vụ với SGDCK, vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của thành viên (sau khi SGDCK đã các văn bản nhắc nhở, cảnh cáo...) sẽ được quy định chi tiết tại Quy chế của SGDCK. |  |  |
| **Điều 106** | *Hủy bỏ bắt buộc tư cách thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt* | Hiện quy định tại Quy chế thành viên giao dịch của 2 SGDCK, Quy chế công cụ nợ | Không thay đổi so với quy định hiện tại (đối với TVGD cơ sở) | Đảm bảo quyền lợi của TVGD và khách hàng của TVGD |  |  |
| **Điều 107** | *Quy định chung về Báo cáo tài chính, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu* | Quy định mới | Một số các quy định chung về báo cáo tài chính; cách xác định tỷ lệ ROE... | - Một số thuật ngữ được đưa lên từ Thông tư 202;  - Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Luật Chứng khoán và hướng dẫn cụ thể hơn tại Nghị định. |  |  |
| **Điều 108** | *Điều kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu tại SGDCK* | Sửa đổi Quy định tại Điều 54 Nghị định 58 “Điều kiện niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội” |  | Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn điều kiện niêm yết chứng khoán |  |  |
|  | *Khoản 1* | *Điểm a Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58* | Bổ sung vốn hóa thị trường tối thiểu 30 tỷ đồng | Để đảm bảo vốn hóa ít nhất bằng vốn điều lệ nhằm đảm bảo vốn điều lệ xuất phát từ việc chào bán và doanh nghiệp không thuộc diện giao dịch cổ phiếu dưới mệnh giá. |  |  |
|  | *Khoản 2* | Quy định mới | Bổ sung tổ chức đăng ký NY phải hoạt động tại UPCoM 2 năm nếu chưa chào bán cổ phiếu ra công chúng. | Tăng tính minh bạch đối với những cổ phiếu chưa chào bán ra công chúng |  |  |
|  | *Khoản 3* | *Điểm b Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58* | - Bổ sung *“hoạt động kinh doanh của hai năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi”;*  *-* Sửa *“không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm, không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm đăng ký niêm yết”* thành “*không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết; không có lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét trong trường hợp đăng ký niêm yết sau thời điểm lập báo cáo tài chính bán niên”* | - Đảm bảo cân đối với các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng  - Căn cứ vào thực tế phát sinh |  |  |
|  | *Khoản 4* | *Điểm c Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58* | - Bổ sung “*trường hợp vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết từ 1.000 tỷ đồng trở lên, tỷ lệ tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết”* | - Phù hợp với điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng |  |  |
|  | *Khoản 5* | *Điểm d Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58* | Bổ sung cam kết nắm giữ của Giám đốc tài chính và các chức danh tương đương.  Sửa thời điểm nắm giữ tính từ “*ngày niêm yết*” thành “*ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên SGDCK*” | - Phù hợp với thực tế phát sinh |  |  |
|  | *Khoản 6* | Quy định mới | Bổ sung tiêu chí niêm yết định tính: công ty, người đại diện theo pháp luật không bị xử lý vi phạm trong 2 năm gần nhất. |  |  |  |
|  | *Khoản 7* | Quy định mới | Bổ sung *“Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký niêm yết, trừ trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty chứng khoán”* | Bổ sung điều kiện để phù hợp với hồ sơ đăng ký niêm yết |  |  |
|  |  | Bỏ *Điểm đ Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58* |  | Căn cứ vào thực tế thấy không cần thiết |  |  |
|  |  | Bỏ *Khoản 4 Điều 54 Nghị định 58* | Bỏ tổ chức tín dụng đăng ký niêm yết phải có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước | Luật Tổ chức Tín dụng không yêu cầu. |  |  |
|  |  | *Khoản 3 Điều 53 Nghị định 58 và Khoản 15 Điều 1 Nghị định 60* | Bỏ *Điều kiện niêm yết chứng chỉ quỹ đại chúng hoặc cổ phiếu của công ty chứng khoán đại chúng* | Điểm d, Khoản 5 Điều 15 Luật chứng khoán “*Chứng chỉ quỹ chào bán ra công chúng phải được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chào bán chứng chỉ quỹ mở*”. |  |  |
| **Điều 109** | *Phân bảng niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán* | Quy định mới | Bổ sung “*Sở giao dịch chứng khoán thực hiện việc phân bảng niêm yết đối với cổ phiếu căn cứ vào các tiêu chí theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, bao gồm: vốn điều lệ, giá trị vốn hóa, tình hình tài chính, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông không phải là cổ đông lớn, tính thanh khoản và quản trị công ty”* | Điều kiện niêm yết trên SGDCK hiện đang quy định theo các tiêu chí tối thiểu, việc phân bảng niêm yết cổ phiếu sẽ do SGDCK quy định tại Quy chế niêm yết của SGDCK.  Theo quy định tại khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán, dự thảo Nghị định đã quy định việc phân bảng niêm yết cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ. |  |  |
| **Điều 110** | *Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ tại Sở Giao dịch chứng khoán* | *Điều 57 Nghị định 58* | - Tách riêng hồ sơ đăng ký niêm yết của công ty đại chúng chào bán lần đầu ra công chúng và công ty đã niêm yết tại Upcom sau thời gian 2 năm.  - Bổ sung thêm *“Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định này”*. | - Đảm bảo thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng gắn với niêm yết theo quy định của Luật Chứng khoán, tránh việc tổ chức phát hành phải nộp hồ sơ trùng lắp giữa chào bán ra công chúng và niêm yết.  - Để phù hợp với các quy định về điều kiện niêm yết. |  |  |
| **Điều 111** | *Thủ tục đăng ký niêm yết* | *Điều 58 Nghị định 58* | Bổ sung thời hạn tổ chức đăng ký niêm yết phải đưa chứng khoán vào giao dịch | Phù hợp với quy định thủ tục hành chính. |  |  |
| **Điều 112** | *Điều kiện niêm yết cổ phiếu của các công ty đại chúng hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách và các trường hợp tái cơ cấu khác* |  | Đưa các quy định từ Thông tư 202/2015/TT-BTC và Thông tư 29/2017/TT-BTC lên Dự thảo Nghị định, đồng thời sửa đổi phù hợp với Điều 107 tại Dự thảo Nghị định và sửa đổi căn cứ theo định nghĩa về “*Tái cơ cấu doanh nghiệp là hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản mà các hoạt động, giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên*” theo quy định tại khoản 10 Điều 3 của dự thảo Nghị định. | Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn điều kiện niêm yết chứng khoán. |  |  |
| **Điều 113** | *Hồ sơ, thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng sau quá trình hợp nhất doanh nghiệp* |  | Đưa các quy định từ Thông tư 202/2015/TT-BTC và Thông tư 29/2017/TT-BTC lên Dự thảo Nghị định, đồng thời sửa đổi phù hợp với Điều 112 tại Dự thảo Nghị định | Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn hồ sơ, thủ tục niêm yết chứng khoán |  |  |
| **Điều 114** | *Hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp tục niêm yết, đăng ký niêm yết cổ phiếu tại SGDCK sau sáp nhập* |  | Đưa các quy định từ Thông tư 202/2015/TT-BTC và Thông tư 29/2017/TT-BTC lên Dự thảo Nghị định, đồng thời sửa đổi phù hợp với Điều 112 tại Dự thảo Nghị định | Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn hồ sơ, thủ tục niêm yết chứng khoán |  |  |
| **Điều 115** | *Hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp tục niêm yết, đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán sau chia, tách doanh nghiệp* | Quy định mới |  | - Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn hồ sơ, thủ tục niêm yết chứng khoán.  - Căn cứ vào thực tế thấy cần thiết bổ sung |  |  |
| **Điều 116** | *Hồ sơ, thủ tục tiếp tục niêm yết, đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán của doanh nghiệp sau quá trình tái cơ cấu khác theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Nghị định này* | Quy định mới |  | - Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn hồ sơ, thủ tục niêm yết chứng khoán.  - Căn cứ vào thực tế thấy cần thiết bổ sung |  |  |
| **Điều 117** | *Thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ khi chào bán, phát hành thêm không thuộc trường hợp tái cơ cấu doanh nghiệp hoặc khi mua lại cổ phiếu, giảm vốn điều lệ* | *Điều 59 Nghị định 58 và Khoản 19 Điều 1 Nghị định 60* | - Bỏ các điểm thay đổi niêm yết do tách, gộp cổ phiếu, sáp nhập do đã quy định tại các Điều 112. | Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn thay đổi niêm yết chứng khoán |  |  |
| **Điều 118** | *Niêm yết trái phiếu doanh nghiệp* | *Khoản 2 Điều 53, 54 Nghị định 58* | - Bỏ các điều kiện niêm yết trái phiếu doanh nghiệp.  - Giảm bớt các hồ sơ trùng lắp với chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng để đảm bảo chào bán ra công chúng gắn liền với niêm yết. | Phù hợp với quy định tại Điểm i Khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán: *“Tổ chức phát hành có cam kết và phải thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán”.* |  |  |
| **Điều 119** | *Niêm yết trái phiếu sau quá trình tổ chức lại doanh nghiệp* | Quy định mới |  | Căn cứ vào thực tế phát sinh và Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn điều kiện, hồ sơ, thủ tục niêm yết chứng khoán |  |  |
| **Điều 120** | *Hủy bỏ niêm yết bắt buộc* | *Khoản 1* *Điều 60 Nghị định 58 và Khoản 20 Điều 1 Nghị định 60* | - Tách riêng hủy niêm yết bắt buộc đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và trái phiếu.  - Bổ sung một số điều kiện hủy niêm yếtkhi vốn chủ sở hữu âm trong báo cáo tài chính kiểm toán năm gần nhất trước thời điểm xem xét; tổ chức niêm yết thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm, vi phạm pháp luật; cổ phiếu không đưa vào giao dịch sau 90 ngày khi SGDCK chấp thuận niêm yết; ý kiến của kiểm toán không chấp thuận toàn phần trong 3 năm liên tiếp.  - Bổ sung hủy bỏ niêm yết bắt buộc đối với chứng quyền có bảo đảm. | Căn cứ vào thực tế phát sinh;  - Phù hợp với Luật Chứng khoán. |  |  |
| **Điều 121** | *Hủy bỏ niêm yết chứng khoán tự nguyện* | *Khoản 2 Điều 60 Nghị định 58 và Khoản 20 Điều 1 Nghị định 60* | - Bổ sung hủy niêm yết tự nguyện đối với chứng chỉ quỹ, chứng quyền có đảm bảo.  - Tách hủy niêm yết tự nguyện và bắt buộc. | - Căn cứ vào thực tế phát sinh  - Thống nhất với Khoản 2 Điều 107 về điều kiện đăng ký niêm yết |  |  |
| **Điều 122** | *Đăng ký niêm yết lại* | *Khoản 3 Điều 60 Nghị định 58* | Bổ sung: Tổ chức bị hủy niêm yết chỉ được đăng ký niêm yết lại sau khi giao dịch tối thiểu 2 năm trên UPCoM | Thống nhất với Khoản 2 Điều 107 về điều kiện đăng ký niêm yết. |  |  |
| **Điều 123** | *Điều kiện niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành nước ngoài trên Sở Giao dịch chứng khoán tại Việt Nam* | Giữ nguyên *Điều 61 Nghị định 58* |  |  |  |  |
| **Điều 124** | *Hồ sơ, thủ tục đăng ký niêm yết.* *Điểm a, b Khoản 2* | *Điều 62 Nghị định 58* | Bổ sung thủ tục đăng ký niêm yết | Phù hợp với thủ tục hành chính |  |  |
| **Điều 125** | *Hủy bỏ niêm yết* | Giữ nguyên *Điều 63 Nghị định 58* |  |  |  |  |
| **Điều 126** | *Điều kiện niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài* | *Điều 64 Nghị định 58* | Bổ sung tên điều *“Điều kiện niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài*” thành “*Điều kiện niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài*” | Do có loại chứng khoán không thực hiện niêm yết trên SGDCK nước ngoài mà chỉ thực hiện giao dịch. |  |  |
| **Điều 127** | *Đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài* | Sửa tên *Điều 65 Nghị định 58* |  |  |  |  |
| **Điều 128** | *Nghĩa vụ của doanh nghiệp có chứng khoán niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài* | *Điều 66 Nghị định 58* | *-* Sửa lại tên Điều cho phù hợp với Điều 126.  - Gộp lại các thời hạn công bố thông tin và sửa lại thời hạn công bố thông tin | Phù hợp với quy định về công bố thông tin tại Thông tư 155 |  |  |
| **Điều 129** | *Hủy bỏ niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài để niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán trong nước* | *Điều 67 Nghị định 58* | - *-* Sửa lại tên Điều cho phù hợp với Điều 126.  - Sửa đổi: Tổ chức phát hành hủy bỏ niêm yết tại nước ngoài phải đáp ứng quy định niêm yết tại SGDCK trong nước và Tổ chức phát hành chứng khoán tại nước ngoài có thể hủy bỏ toàn phần hoặc một phần. | Căn cứ vào thực tế phát sinh |  |  |
| **Điều 130** | *Tài liệu báo cáo về việc niêm yết, giao dịch chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài* | *Điều 68 Nghị định 58* | - Sửa lại tên Điều do nội dung Điều này chủ yếu liên quan đến các tài liệu báo cáo, không liên quan đến việc công bố thông tin.  - Tách trường hợp chứng chỉ lưu ký được phát hành dựa trên chứng khoán cơ sở mới và chứng khoán cơ sở đã phát hành | - Căn cứ vào thực tế phát sinh |  |  |
| **Điều 131** | *Nghĩa vụ của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký tại SGDCK nước ngoài* | *Điều 69 Nghị định 58* | - Sửa lại tên Điều cho phù hợp với nội dung.  - Tách trường hợp chứng chỉ lưu ký được phát hành dựa trên chứng khoán cơ sở mới và chứng khoán cơ sở đã phát hành. | - Căn cứ vào thực tế phát sinh |  |  |
| **Điều 132** | *Nghĩa vụ của tổ chức nắm giữ chứng khoán để phát hành chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài* | Quy định mới | - Bổ sung quy định nghĩa vụ của các tổ chức nắm giữ chứng khoán để phát hành chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài. |  |  |  |
| **Điều 133** | *Đối tượng và thời hạn thực hiện đăng ký giao dịch (ĐKGD)* | Điều 3 Thông tư 180/2015/TT-BTC (Thông tư 180) và Điều 1 Thông tư 13/2019/TT-BTC | 1. Đối tượng đăng ký giao dịch:  a) Công ty đại chúng không niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán;  b) Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc hoặc hủy bỏ niêm yết tự nguyện nhưng vẫn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng ngoại trừ trường hợp hủy bỏ niêm yết cổ phiếu do hợp nhất, chia doanh nghiệp;  c) Doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định pháp luật về chuyển doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.  2. Thời hạn thực hiện ĐKGD:  - Đối với công ty đại chúng thông thường: Tham chiếu đến Luật chứng khoán.  - Đối với công ty hủy niêm yết: giảm từ 10 ngày còn 7 ngày. = Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa: tham chiếu đến văn bản cổ phần hóa để đảm bảo tính thống nhất. | Quy định cụ thể các đối tượng có nghĩa vụ ĐKGD trên hệ thống Upcom, phù hợp với quy định Luật Chứng khoán và pháp luật cổ phần hóa.  Đảm bảo thống nhất với quy định tại Luật chứng khoán, pháp luật CPH. Riêng đối với trường hợp ĐKGD của công ty hủy niêm yết, thời gian VSD và Sở GDCK phối hợp để công ty ĐKGD được rút ngắn, nhằm giảm thời gian dừng giao dịch của công ty hủy niêm yết, đảm bảo quyền lợi của cổ đông. |  |  |
| **Điều 134** | *Hồ sơ đăng ký giao dịch* | Điều 4 Thông tư 180 và Điều 1 Thông tư 13: | Hồ sơ ĐKGD tách theo đối tượng, cụ thể:  Đối với CTĐC quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán: hồ sơ chính là bản sao các văn bản nộp cho UBCKNN khi đăng ký CTĐC.  Đối với CTĐC quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán: hồ sơ bao gồm bản cáo bạch nộp cho UBCKNN khi thực hiện chào bán và bản sao các hồ sơ đã nộp UBCKNN khi đăng ký CTĐC với UBCKNN sau khi chào bán.  Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa chưa là CTĐC thì hồ sơ sẽ không bao gồm Giấy xác nhận của UBCKNN về việc hoàn tất đăng ký CTĐC | Giảm hồ sơ phải chuẩn bị mới, sử dụng hồ sơ đã dùng khi đăng ký CTĐC nộp UBCKNN để nộp SGDCK thực hiện ĐKGD. |  |  |
| **Điều 135** | *Thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom* | Điều 4 Thông tư 180 và Điều 1 Thông tư 13 | Bỏ quy định thời hạn thực hiện đăng ký chứng khoán tại VSD, do chuyển sang quy định về đăng ký chứng khoán | Đảm bảo quy định không trùng lặp trong văn bản pháp luật. |  |  |
| **Điều 136** | *Thay đổi đăng ký giao dịch* | Điều 5 Thông tư 180 và Điều 1 Thông tư 13 | Giữ nguyên như quy định tại Thông tư 180 và Điều 1 Thông tư 13 |  |  |  |
| **Điều 137** | *Hủy đăng ký giao dịch* | Điều 6 Thông tư 180 và điều 1 Thông tư 13 | Tăng thời hạn ĐKGD của doanh nghiệp cổ phần hóa không đáp ứng điều kiện là CTĐC từ 01 năm lên 02 năm. | Do điều kiện là CTĐC tại Luật Chứng khoán nâng cao hơn nên số lượng doanh nghiệp cổ phần hóa bị hủy đăng ký giao dịch sau 01 năm sẽ nhiều hơn, do vậy, tăng thời hạn ĐKGD để đảm bảo chủ trương về gắn niêm yết/ĐKGD với cổ phần hóa của Chính phủ, đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư đã tham gia mua cổ phần của DNCPH. |  |  |
| **Điều 138** | *Hoạt động đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài* |  |  |  |  |  |
| **Khoản 1 Điều 139** | *2. Về việc xác định tỷ lệ SHNN tại các ngành nghề không quy định cụ thể tỷ lệ SHNN* | Theo khoản 1 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP: *tỷ lệ SHNN tại CTĐC là không hạn chế, ngoại trừ: Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, hoặc pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan hoặc Điều lệ công ty có quy định cụ thể về hạn chế SHNN. Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN mà chưa có quy định cụ thể về SHNN, thì tỷ lệ SHNN tối đa là 49%).* | Khoản 1 Điều 139: *1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:*  *a) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;*  *b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.*  *Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 49%;*  *c) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế;*  *d) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.* | Nghị định 60 không quy định rõ ràng về tỷ lệ SHNN tại các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc Phụ lục 4 Luật Đầu tư (Danh mục 243 ngành nghề kinh doanh có điều kiện).  *Thực trạng*: để đảm bảo cẩn trọng trong xử lý, đối với các ngành nghề thuộc Phụ lục 4 Luật Đầu tư mà pháp luật chuyên ngành không quy định cụ thể tỷ lệ SHNN thì áp dụng tỷ lệ tối đa là 49% (nếu cơ quan quản lý chuyên ngành không có ý kiến khác). Tuy nhiên, việc áp dụng này dẫn đến bất cập:  (i) Đối xử không bình đẳng giữa các doanh nghiệp đại chúng và không đại chúng (DN không đại chúng có thể sở hữu đến 100% vốn nước ngoài vì pháp luật chuyên ngành chỉ quy định về điều kiện hoạt động như nhân sự, phạm vi hoạt động, địa bàn hoạt động…);  (ii) Doanh nghiệp phải đi hỏi ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành (dù có doanh nghiệp cùng ngành không là công ty đại chúng đã được SHNN 100%). Nhiều cơ quan quản lý cũng không trả lời rõ ràng về tỷ lệ SHNN đối với những ngành nghề này.  Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP, tỷ lệ SHNN căn cứ trên ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN. Theo đó, việc tra cứu tỷ lệ SHNN hiện đang căn cứ trên các ngành nghề tại Danh mục điều kiện đầu tư đối với NĐTNN được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, Bộ KHĐT chưa cập nhật, bổ sung đầy đủ các điều ước quốc tế đã có hiệu lực (như chưa cập nhật các ngành nghề nghề theo Hiệp định CPTPP có hiệu lực từ 14/1/2019). Do đó, gây khó khăn cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý trong việc tra soát tỷ lệ SHNN.  Hiện nay dự thảo Luật Đầu tư sửa đổi đã có quy định về việc ban hành danh mục ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc xác định tỷ lệ SHNN theo Điều ước quốc tế, pháp luật chuyên ngành và danh mục ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện để đảm bảo thống nhất thực hiện giữa Luật chứng khoán và Luật đầu tư, đồng thời việc tra soát để xác định tỷ lệ SHNN sẽ rõ ràng và dễ thực hiện hơn đối với doanh nghiệp và cơ quan quản lý. |  |  |
| **Khoản 2**  **Điều 139** | *4. Về xác định SHNN đối với tổ chức đăng ký giao dịch (UPCOM) là DNNN CPH* | Điều 2a Nghị định 60 chỉ quy định tỷ lệ SHNN đối với doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa theo hình thức chào bán ra công chúng: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật về cổ phần hóa. Trường hợp pháp luật về cổ phần hóa không có quy định, tỷ lệ này thực hiện theo quy định tương ứng đối với công ty đại chúng. | Khoản 2 Điều 139:  *Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật về cổ phần hóa. Trường hợp pháp luật về cổ phần hóa không có quy định thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.* | Bổ sung quy định về tỷ lệ SHNN của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa ĐKGD trên Upcom (không thực hiện chào bán ra công chúng) để đảm bảo quy định đầy đủ các đối tượng. |  |  |
| **Điều 140** | ***Sản phẩm Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết cho NĐTNN*** | Không có quy định. | Điều 140. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết   1. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết là một loại chứng khoán do công ty con của Sở giao dịch chứng khoán phát hành cho nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu của công ty niêm yết, đăng ký giao dịch. 2. Người sở hữu chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết. 3. Tổ chức phát hành có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết trong trường hợp tổ chức phát hành cổ phiếu cơ sở lấy ý kiến cổ đông về việc hủy niêm yết nhưng không có các quyền khác về kinh tế liên quan đến cổ phiếu đó. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về loại chứng khoán là cơ sở phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết, hạn mức phát hành, cơ chế chuyển đổi chứng khoán cơ sở thành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết; việc thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết của tổ chức phát hành, công bố thông tin, niêm yết, giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán và các nội dung khác liên quan tới chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết. | Bổ sung nội dung quy định nguyên tắc về sản phẩm NVDR, hướng dẫn Khoản 7 Điều 114 Luật Đầu tư : “Chính phủ quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết”. |  |  |
| **Khoản 2 Khoản 3Điều 141** | *5. Về thời hạn xác định cụ thể tỷ lệ SHNN cho các công ty đại chúng và các vấn đề cần chuyển tiếp* | Nghị định 60/2015/NĐ-CP và Thông tư 123/2015/TT-BTC không quy định thời hạn công ty đại chúng phải xác định lại tỷ lệ SHNN tối đa dẫn đến đa số các công ty đại chúng hiện tại chưa thực hiện thông báo tỷ lệ SHNN. Điều này làm cho công tác quản lý về sự tham gia của NĐTNN trên TTCK chưa đồng bộ và gặp nhiều khó khăn.  Ngoài ra, trường hợp các công ty phát hành chứng khoán thì trước khi phát hành, công ty phải thực hiện thông báo tỷ lệ SHNN tối đa. Việc phát hành sẽ căn cứ tỷ lệ được UBCKNN xác nhận, tránh trường hợp phải rà soát rất nhiều lần trong hồ sơ chào bán như hiện nay. | Khoản 2 Khoản 3Điều 141. Trách nhiệm thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng  *2. Các công ty đại chúng chưa thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài phải hoàn tất thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 142 Nghị định này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.*  *3. Công ty đại chúng quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện đăng ký niêm yết, chuyển niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán, phát hành chứng khoán phải thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 142 Nghị định này trước khi nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, chuyển niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán, phát hành chứng khoán.* | Bổ sung để phù hợp với thực tiễn quản lý |  |  |
| **Khoản 3 Điều 143** | *3. Về việc ứng xử với các tổ chức kinh tế có trên 50% vốn nước ngoài* | Theo khoản 13 Điều 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Nghị định 60): Tỷ lệ sở hữu nước ngoài là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp có quyền biểu quyết của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên trong một công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc quỹ đầu tư chứng khoán. | Đế xuất quy định phương án kỹ thuật để xác định các tổ chức kinh tế áp dụng điều kiện, trình tự thủ tục đầu tư trên TTCK như NĐTNN.  *Điều 143. Nghĩa vụ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán*  *1. Nghĩa vụ của công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán khi đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán*  *a) Công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán (ngoại trừ quỹ mở) áp dụng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trình tự, thủ tục đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trong ít nhất 180 ngày trong 01 năm dương lịch.*  *b) Trong vòng 03 ngày làm việc đầu tiên hàng năm (tính theo năm dương lịch), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố thông tin danh sách các tổ chức kinh tế đã đăng ký chứng khoán tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hoặc không còn đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này tính đến ngày 31/12 năm liền trước.*  *c) Ngoại trừ trường hợp tổ chức kinh tế có mã số giao dịch còn hiệu lực, tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải thực hiện đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trước ngày 15/01 hàng năm.*  *d) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hủy mã số giao dịch chứng khoán của các tổ chức không còn thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vào ngày 15/01 hàng năm, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này.*  *đ) Trường hợp tổ chức kinh tế không còn đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài từ 50% vốn điều lệ trở xuống theo quy định tại khoản 2 Điều 142 Nghị định này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hủy mã số giao dịch chứng khoán trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 142 Nghị định này.*  *2. Nghĩa vụ của tổ chức kinh tế khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán*  *a) Tổ chức kinh tế là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ khi đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán phải thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài.*  *b) Trường hợp tổ chức kinh tế đã có tài khoản giao dịch, tài khoản lưu ký chứng khoán trở thành hoặc không còn là tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này, phải thực hiện thông báo cho thành viên lưu ký nơi mở tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc tài khoản lưu ký chứng khoán để thực hiện đăng ký mã số giao dịch chứng khoán hoặc hủy mã số giao dịch chứng khoán trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc thay đổi thông tin cổ đông, thành viên góp vốn.*  *c) Trường hợp tổ chức kinh tế thuộc điểm a khoản 1 Điều này chưa có tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc tài khoản lưu ký chứng khoán phải thông qua thành viên lưu ký đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trước khi mở tài khoản giao dịch, tài khoản lưu ký chứng khoán.*  *d) Thành viên lưu ký có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký, hủy mã số giao dịch cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức kinh tế theo quy định tại điểm b, c khoản này.*  *3. Trường hợp tổ chức kinh tế theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này phải áp dụng điều kiện, trình tự, thủ tục như nhà đầu tư nước ngoài dẫn đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các công ty đại chúng vượt quá tỷ lệ quy định tại Điều 139 Nghị định này thì nhà đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này chỉ được phép bán ra cổ phiếu cho đến khi tỷ lệ sở hữu ngoài tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 139 Nghị định này.*  *4. Trong thời gian Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chưa hủy mã số giao dịch chứng khoán đối với các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, các tổ chức này vẫn áp dụng các điều kiện, trình tự, thủ tục như nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.* | Trên thực tế hoạt động TTCK sẽ phát sinh vướng mắc ở cả 2 loại hình DN:  - Đối với doanh nghiệp thông thường (không phải đại chúng, không đăng ký tập trung chứng khoán tại VSD) có trên 50% vốn nước ngoài, khi đầu tư vào các doanh nghiệp khác trên TTCK: Doanh nghiệp tham gia với tư cách là nhà đầu tư, phải tự chịu trách nhiệm về việc đầu tư, đảm bảo tuân thủ tỷ lệ SHNN trên TTCK.  Trường hợp này, UBCKNN không quản lý được thông tin các doanh nghiệp thông thường này. Tuy nhiên, chưa có cơ chế phối hợp để quản lý thông tin giữa cơ quan đăng ký doanh nghiệp và cơ quan quản lý TTCK về vấn đề này.  - Đối với các công ty đại chúng có trên 50% vốn nước ngoài khi tham gia đầu tư, giao dịch trên TTCK thì điều kiện, thủ tục đầu tư được điều chỉnh bởi pháp luật chứng khoán. Tuy nhiên, pháp luật chứng khoán (Nghị định 60 và Thông tư 123) chưa có quy định phương án kỹ thuật (thời điểm chốt tỷ lệ SHNN tại DN) để xác định tư cách pháp lý của công ty này dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện.  Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định sửa đổi theo hướng bổ sung phương án kỹ thuật để xác định tư cách của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 50% vốn điều lệ đối với 02 loại đối tượng là: i) các tổ chức kinh tế là công ty đại chúng và ii) tổ chức kinh tế khác không phải là công ty đại chúng. |  |  |
| **Điều 143** | *Nghĩa vụ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* |  | Quy định việc công ty đại chúng xác định tỷ lệ SHNN  Tổng công ty lưu ký có trách nhiệm công bố danh sách công ty có SHNN từ 50% | Tại Dự thảo Nghị định quy định tương tự Luật Đầu tư về ứng xử với các tổ chức kinh tế có trừ 50% vốn nước ngoài như NĐTNN và quy định Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố về tỷ lệ SHNN đối với tổ chức kinh tế đã đăng ký chứng khoán tập trung.  Quy định về việc công bố tỷ lệ SHNN như trên khắc phục được tình trạng các doanh nghiệp không xác định được tỷ lệ SHNN (do tính cả F2), do vậy khá lúng túng khi thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.  Tuy nhiên, quy định này có một số khó khăn, bất cập như sau:  + Do đặc thù của TTCK, tỷ lệ SHNN của NĐTNN thay đổi thường xuyên và thông tin cổ đông được VSD quản lý.  + Khi VSD xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài (tại thời điểm bất kỳ) đối với tổ chức kinh tế, có thể dẫn đến tình trạng một doanh nghiệp (sau khi cổ đông là tổ chức kinh tế đó được xác định có từ 50% vốn nước ngoài) bị vượt quá tỷ lệ SHNN được phép. |  |  |
| **Điều 145** | *Đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam* | Điều 15 Thông tư 05/2015/TT-BTC | - Bổ sung thêm các đối tượng phải đăng ký chứng khoán là chứng khoán đăng ký giao dịch, chứng quyền có bảo đảm, công cụ nợ…  - Bổ sung quy định về việc công ty đại chúng phải đăg ký cổ phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong vòng 15 ngày kể từ ngày UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng.  Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về các hoạt động liên quan đến đăng ký chứng khoán như đăng ký, hủy, cấp mã, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu… | - Bổ sung thêm các loại chứng khoán phải đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phù hợp với thực tiễn triển khai.  - Bổ sung thời hạn đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam do Điều 34 Luật Chứng khoán quy định công ty đại chúng phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng.  - Hoạt động đăng ký chứng khoán bao gồm hoạt động đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các nghiệp vụ có liên quan đến hoạt động đăng ký chứng khoán như hủy đăng ký chứng khoán, cấp mã chứng khoán, thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán, chuyển quyền sở hữu chứng khoán và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động đăng ký chứng khoán hiện đang được hướng dẫn chi tiết tại Thông tư số 05/2015/TT-BTC và các quy chế nghiệp vụ của VSD. Các nghiệp vụ này do VSD cung cấp nhưng cần có sự quản lý của Nhà nước theo Khoản 1 Điều 9 và Khoản 1 Điều 55 Luật Chứng khoán. |  |  |
| **Điều 146** | *Tổ chức hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán* | Điều 34 và Điều 35 Thông tư 05/2015/TT-BTC | - Quy định sửa đổi, bổ sung về việc tổ chức hoạt động, nguyên tắc bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán thực hiện theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP) đối với các giao dịch chứng khoán cơ sở trên hệ thống giao dịch chứng khoán (ngoại trừ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch công cụ nợ)  - Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán gồm hoạt động ký quỹ, đối chiếu, xác nhận kết quả giao dịch, xử lý lỗi và thế vị giao dịch, bù trừ, quản lý rủi ro, chuyển giao tiền, chứng khoán để hoàn tất giao dịch chứng khoán và các hoạt động cần thiết khác. | - Điều 56 Luật Chứng khoán 2019 có quy định:“6. Chính phủ quy định chi tiết việc cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam”.  - Ngày 1/3/2012, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 252/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2011-2020 với nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó có giải pháp nâng cao năng lực cho hệ thống các tổ chức trung gian thị trường chứng khoán thông qua việc triển khai mô hình thanh toán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP).  Tiếp theo đó, ngày 11/3/2014, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 366/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển TTCK phái sinh Việt Nam, trong đó đã xác định Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) là tổ chức duy nhất thực hiện chức năng thanh toán bù trừ CKPS theo mô hình đối tác trung tâm (CCP). Cho đến nay, thị trường CKPS đã đi vào hoạt động được gần 3 năm và có được nhiều kết quả có phần vượt quá sự mong đợi, VSD đã thực hiện tốt vai trò bảo lãnh thanh toán cho các giao dịch chứng khoán, đảm bảo cho hoạt động bù trừ, thanh toán được diễn ra an toàn thông suốt, qua đó giúp cho thị trường chứng khoán nói chung và thị trường CKPS nói riêng phát triển an toàn, bền vững.  Trên cơ sở chiến lược phát triển thị trường chứng khoán được phê duyệt tại Quyết định 252, Luật chứng khoán mới 2019 cũng như những kinh nghiệm và kết quả đã đạt được từ việc trển khai mô hình CCP cho thị trường CKPS, UBCKNN và VSD tiến hành nghiên cứu xây dựng Nghị định về mô hình CCP cho thị trường cơ sở vào năm 2020.  Hiện nay các chức năng liên quan đến hoạt động bù trừ, thanh toán chứng khoán cơ sở theo mô hình CCP đã được nghiên cứu và tích hợp trong hệ thống CNTT thuộc Gói thầu Thiết kế, giải pháp, cung cấp lắp đặt, chuyển giao hệ thống CNTT - SGDCK TPHCM. Dự kiến hệ thống này sẽ hoàn thành và đi vào vận hành trong năm 2021.  Do đó phải bổ sung thêm các quy định pháp lý để áp dụng mô hình CCP cho thị trường chứng khoán cơ sở.  - Điều 146 được thiết kế theo hướng kế thừa các quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BTC và thay đổi một số nội dung về tổ chức hoạt động bù trừ thanh toán, nguyên tắc bù trừ thanh toán phù hợp với mô hình CCP cơ sở. Các nội dung còn lại được thiết kế phù hợp với mô hình CCP cơ sở và hệ thống công nghệ thông tin theo gói thầu KRX. VSD có thuyết minh chi tiết đính kèm về việc triển khai mô hình này. Hầu hết nội dung được vận dụng, tham khảo từ mô hình CCP cho phái sinh hiện đang triển khai trong thực tiễn theo Nghị định số 42/2015/NĐ-CP và có điều chỉnh phù hợp với thị trường chứng khoán cơ sở. |  |  |
| **Điều 147** | *Điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán* | Trên cơ sở tham khảo quy định Điều 4 Nghị định 42/2015/NĐ-CP | Quy định về việc các tổ chức muốn cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán chứng khoán theo cơ chế CCP sẽ phải đáp ứng các điều kiện tài chính, tỷ lệ an toàn tài chính …Các điều kiện này cao hơn so với các điều kiện về cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán. | - Bổ sung các điều kiện để lựa chọn được tổ chức có đủ năng lực đáp ứng việc tham gia bù trừ thanh toán theo mô hình đối tác bù trừ trung tâm CCP.  - Đối với thành viên bù trừ trực tiếp, trên cơ sở số liệu khảo sát về vốn của ctck, ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hiện tại đã đưa ra mức vốn là 250 tỷ và 1000 tỷ. Quy định mức vốn này sẽ đảm bảo trên 2/3 số công ty chứng khoán hiện tại có thể đáp ứng tiêu chuẩn làm thành viên bù trừ trực tiếp. Đối với thành viên bù trừ chung, quy định về mức vốn sẽ cao hơn (hiện tại dự thảo Nghị định quy định là 900 tỷ và 7000 tỷ) do thành viên bù trừ chung còn phải bù trừ thanh toán cho thành viên không bù trừ và khách hàng của thành viên không bù trừ. |  |  |
| **Điều 148** | *Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán* | Trên cơ sở tham khảo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Thông tư 11/2016/TT-BTC | Quy định về hồ sơ tương ứng với điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán tại Điều 147 | - Bổ sung các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục để lựa chọn được tổ chức có đủ năng lực đáp ứng việc tham gia bù trừ thanh toán theo mô hình đối tác bù trừ trung tâm CCP. |  |  |
| **Điều 149** | *Đình chỉ, chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán* | Trên cơ sở tham khảo quy định Điều 5 Nghị định 42/2015/NĐ-CP | Quy định về các trường hợp mà UBCKNN đình chỉ và chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán. | Do hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm CCP là hoạt động mới, chưa có quy định pháp lý điều chỉnh nên phải bổ sung để có cơ sở pháp lý triển khai thực hiện trên cơ sở tham khảo Nghị định 42/2015/NĐ-CP và phù hợp với giao dịch chứng khoán cơ sở. |  |  |
| **Điều 150** | *Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán bắt buộc* | Trên cơ sở tham khảo quy định tại Khoản 7 đến Khoản 11 Điều 13 Thông tư 11/2016/TT-BTC | Quy định về việc trình tự, thủ tục mà UBCKNN tiến hành đối với các trường hợp chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán quy định tại Khoản 2 Điều 149 | Do hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm CCP là hoạt động mới, chưa có quy định pháp lý điều chỉnh nên phải bổ sung để có cơ sở pháp lý triển khai thực hiện trên cơ sở tham khảo các Thông tư hướng dẫn Nghị định 42/2015/NĐ-CP và phù hợp với giao dịch chứng khoán cơ sở. |  |  |
| **Điều 151** | *Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán tự nguyện* | Trên cơ sở tham khảo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Thông tư 11/2016/TT-BTC | Quy định đối với Công ty chứng khoán/Ngân hàng thương mại/Chi nhánh ngân hàng nước ngoài muốn tự nguyện chấm dứt hoạt động bù trừ thanh toán chứng khoán | Do hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm CCP là hoạt động mới, chưa có quy định pháp lý điều chỉnh nên phải bổ sung để có cơ sở pháp lý triển khai thực hiện trên cơ sở tham khảo các Thông tư hướng dẫn Nghị định 42/2015/NĐ-CP và phù hợp với giao dịch chứng khoán cơ sở. |  |  |
| **Điều 152** | *Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán* | Trên cơ sở tham khảo quy định Điều 19, Điều 20 Nghị định 42/2015/NĐ-CP | Quy định về:  + Quyền của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với việc yêu cầu thành viên bù trừ ký quỹ, đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán đối với thành viên bù trừ; Quyền của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với thành viên bù trừ và nhà đầu tư mất khả năng thanh toán; thực hiện các biện pháp để đảm bảo thanh toán….  + Nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với việc đảm bảo vận hành hệ thống bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán an toàn, kiểm tra giám sát các điều kiện duy trì của thành viên bù trừ, quản lý tách biệt các tài khoản, tài sản, trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ bù trừ giao dịch chứng khoán… | Điều 55 Luật Chứng khoán 2019 đã quy định quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với các hoạt động nghiệp vụ nói chung. Tuy nhiên, do hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo mô hình đối tác bù trừ trung tâm là hoạt động mới nên cần bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán tại dự thảo Nghị định để tăng tính pháp lý khi triển khai thực hiện. |  |  |
| **Điều 153** | *Quyền và nghĩa vụ của thành viên bù trừ đối với hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư* | Trên cơ sở tham khảo quy định Điều 22 Nghị định 42/2015/NĐ-CP | Quy định về:  + Quyền của thành viên bù trừ yêu cầu nhà đầu tư đóng ký quỹ đầy đủ và kịp thời; quyền đối với nhà đầu tư khi nhà đầu tư mất khả năng thanh toán; sử dụng tài sản ký quỹ của nhà đầu tư để thực hiện nghĩa vụ thanh toán…  + Nghĩa vụ của Thành viên bù trừ: chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của khách hàng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ bù trừ giao dịch chứng khoán để đảm bảo khả năng thanh toán, hoàn trả tài sản ký quỹ, bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư…. | Điều 56 Luật Chứng khoán 2019 đã quy định về quyền và nghĩa vụ của Thành viên bù trừ. Tuy nhiên, do hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm là hoạt động mới nên cần bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ của Thành viên bù trừ đối với hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán tại dự thảo Nghị định để đảm bảo cơ sở pháp lý khi triển khai thực hiện. |  |  |
| **Điều 154** | *Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký trở thành thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam* | Điều 15 Nghị định 86/2016/NĐ-CP và quy chế thành viên cuar VSD | - Điều kiện đăng ký làm thành viên lưu ký được rút gọn so với quy định hiện hành.  - Hồ sơ, trình tự, thủ tục theo đó được thiết kế rút gọn tương ứng với điều kiện ở Khoản 1 Điều này. | (i) Điều 56 Luật Chứng khoán có quy định:. “6. Chính phủ quy định chi tiết việc cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục trở thành thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam”  (ii) TVLK nếu không phải là thành viên bù trừ chỉ cung cấp dịch vụ lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu cho người sở hữu chứng khoán.  - Theo hệ thống KRX, TVLK kết nối trực tuyến với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ko thao tác trên máy trạm vào hệ thống Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam như kết nối Cổng giao tiếp điện tử, nên bỏ quy định điều kiện về nhân sự do không cần thiết, việc tập huấn nhân viên nghiệp vụ cho TVLK dựa theo nhu cầu.  - Bỏ điều kiện về Chi nhánh so với Nghị định 86 do Luật Chứng khoán không giao về chi nhánh |  |  |
| **Điều 155** | *Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên lưu ký cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, sáp nhập* | Chưa có quy định | Bổ sung mới để có cơ sở thực hiện | Các nội dung được thiết kế trên cơ sở của Điều 154 và có điều chỉnh cho phù hợp với từng trường hợp hợp nhất sáp nhập. |  |  |
| **Điều 156** | *Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký trở thành thành viên bù trừ* | Trên cơ sở tham khảo quy định Điều 21 Nghị định 42/2015/NĐ-CP về điều kiện; Hồ sơ thủ tục hiện quy định tại Quy chế của VSD | Bổ sung mới để có cơ sở thực hiện trên nguyên tắc sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; Ngoài ra, thành viên bù trừ trước hết phải là thành viên lưu ký và đáp ứng các điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, nghiệp vụ và nhân sự. | (i) Điều 56 Luật Chứng khoán có quy định:. “6. Chính phủ quy định chi tiết việc cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục trở thành thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam”  (ii) Khi triển khai mô hình CCP cơ sở có thêm thành viên bù trừ cần phải quy định thêm nội dung này. Điều kiện trở thành thành viên bù trừ được dự thảo dựa trên các điều kiện đã áp dụng đối với thành viên bù trừ hoạt động trên thị trường chứng khoán phái sinh trên nguyên tắc rút gọn và phù hợp với thị trường cơ sở |  |  |
| **Điều 157** | *Thay đổi thông tin thành viên lưu ký, thành viên bù trừ* | Hiện đang được quy định tại Quy chế của VSD | - Đối với trường hợp thay đổi thông tin của thành viên lưu ký: Thiết kế lại theo hướng rút gọn thủ tục.  - Đối với trường hợp thay đổi thông tin của thành viên bù trừ: Bổ sung mới để có cơ sở thực hiện. | - Đối với thay đổi thông tin của thành viên lưu ký: do điều kiện, hồ sơ có thay đổi theo hướng rút gọn ở điều 154 nên điều này được điều chỉnh theo.  - Đối với thay đổi thông tin của thành viên bù trừ:  + Điều 56 Luật Chứng khoán có quy định:. “6. Chính phủ quy định chi tiết việc cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục trở thành thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam”  + Khi triển khai mô hình CCP cơ sở có thêm thành viên bù trừ cần phải quy định thêm nội dung này. |  |  |
| **Điều 158** | *Thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký* | Điều 11 Thông tư 05/2015/TT-BTC và quy chế của VSD | Quy định rút gọn hơn trên cơ sở UBCKNN thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán | Sửa đổi lại phù hợp với thực tiễn xử lý |  |  |
| **Điều 159** | *Thu hồi Giấy chứng nhận thành viên bù trừ* | Trên cơ sở tham khảo quy chế thành viên bù trừ trên thị trường chứng khoán phái sinh của VSD | Bổ sung mới để có cơ sở thực hiện | Bổ sung để có cơ sở áp dụng cho thị trường chứng khoán cơ sở |  |  |
| **Điều 160** | *Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, xử lý vi phạm của thành viên và các hoạt động khác liên quan đến thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam* | Chưa có quy định | Bổ sung mới để có cơ sở thực hiện | Bổ sung để có cơ sở quy định ở Thông tư |  |  |
| **Điều 161** | *Tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam* | Điều 13,14 Thông tư 05/2015/TT-BTC | Sửa đổi trên cơ sở rút gọn và gộp Điều 13, Điều 14 của Thông tư 05/2015/TT-BTC | Đưa vào Nghị định do phần thành viên giao dịch có nhắc đến đối tượng này. |  |  |
| **Điều 162** | *Quy định chung về Ngân hàng thanh toán* | Điều 51 và 52 Thông tư 05/2015/TT-BTC | - Bổ sung thêm nghĩa vụ của ngân hàng thanh toán bao gồm: duy trì điều kiện làm ngân hàng thanh toán, cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cùng với thành viên bù trừ vay trong trường hợp mất khả năng thanh toán, bồi thường thiệt hại khi không thực hiện hoạt động thanh toán tiền giao dịch chứng khoán do lỗi của ngân hàng thanh toán, thực hiện báo cáo định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu của UBCKNN…  - Bổ sung thêm quy định về kiểm tra, giám sát điều kiện đáp ứng của ngân hàng thanh toán để làm căn cứ thay thế và lựa chọn lại ngân hàng thanh toán. | Khoản 4 Điều 69 Luật Chứng khoán 2019 giao Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký làm ngân hàng thanh toán. Theo đó, quy định về ngân hàng thanh toán được căn cứ trên các nội dung trước đây đã quy định tại Thông tư 05/2015/TT-BTC, đồng thời sửa đổi một số nội dung để phù hợp với mô hình CCP cơ sở và áp dụng cơ chế đa ngân hàng thanh toán cho giao dịch chứng khoán trên SGDCK (bao gồm cả chứng khoán phái sinh).  Bên cạnh đó, Nghị định cũng tạo cơ sở pháp lý để chuyển chức năng thanh toán từ ngân hàng thương mại sang ngân hàng trung ương theo lộ trình do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. |  |  |
| **Điều 163** | *Hồ sơ đăng ký làm ngân hàng thanh toán đối với ngân hàng thương mại* | Điều 49 Thông tư 05/2015/TT-BTC | Thiết kế hồ sơ theo hướng phù hợp với điều kiện đã được quy định tại Khoản 2 Điều 69 Luật Chứng khoán, ngoài ra có điều chỉnh lại cho phù hợp với mô hình CCP cho cả giao dịch chứng khoán phái sinh và cơ sở. | Căn cứ nội dung giao hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 69 Luật Chứng khoán 2019 |  |  |
| **Điều 164** | *Trình tự, thủ tục chấp thuận ngân hàng thương mại làm ngân hàng thanh toán* | Điều 50 Thông tư 05/2015/TT-BTC | Điều chỉnh lại để nêu rõ trình tự, thủ tục chấp thuận ngân hàng thanh toán áp dụng cho cả TTCK cơ sở và TTCK phái sinh | Căn cứ nội dung giao hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 69 Luật Chứng khoán 2019 |  |  |
| **Điều 165** | *Đối tượng, phạm vi và nguyên tắc thực hiện* | Chưa có quy định | - Quy định các chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam được sử dụng làm tài sản thế chấp trong các giao dịch bảo đảm đều có thể thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với các chứng khoán khác thực hiện tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản của Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư Pháp theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.  - Quy định các nguyên tắc cơ bản đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để có cơ sở pháp lý thực hiện | - Điều 62 Luật Chứng khoán 2019 có quy định:  “3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của Chính phủ.”  - Quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam nhằm mục đích ngăn ngừa việc bên thế chấp sử dụng tài sản là chứng khoán đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đi thế chấp chứng khoán tại nhiều nơi, ảnh hưởng đến quyền lợi và dẫn đến tranh chấp giữa nhiều bên nhận thế chấp.  - Dự thảo xây dựng các nội dung trên cơ sở tham khảo Nghị định 102/2017/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm và có quy định các điểm đặc thù riêng trong lĩnh vực chứng khoán. |  |  |
| **Điều 166** | *Hồ sơ, thủ tục thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm* | Chưa có quy định | Xây dựng trên cơ sở tham khảo Nghị định 102/2017/NĐ-CP và sửa đổi phù hợp với lĩnh vực chứng khoán | Lý do như trên |  |  |
| **Điều 167** | *Cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm* | Chưa có quy định | Xây dựng trên cơ sở tham khảo Nghị định 102/2017/NĐ-CP và sửa đổi phù hợp với lĩnh vực chứng khoán | Lý do như trên |  |  |
| **Điều 168** | *Xử lý tài sản đảm bảo là chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm* | Chưa có quy định | Xây dựng theo đặc thù của lĩnh vực chứng khoán: | Lý do như trên |  |  |
| **Điều 169** | *Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm* | Chưa có quy định | Xây dựng theo đặc thù của lĩnh vực chứng khoán, đồng thời đảm bảo khả năng phối hợp và trao đổi thông tin trong quản lý tài sản bảo đảm với Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm | Lý do như trên |  |  |
| **Điều 170** | *Quy định chung* | NĐ 58/2012/NĐ-CP, Thông tư 210/2012/TT-BTC | Quy định chung về hồ sơ, trách nhiệm lập hồ sơ.  Không thay đổi so với quy định cũ | Khoản 1 Điều 79 và Điều 87, khoản 5 Điều 97 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 171** | *Vốn điều lệ tối thiểu CTCK, CTQLQ* | Khoản 1 Điều 71 NĐ 58/2012/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 13 NĐ 151/2018/NĐ-CP | Quy định về vốn điều lệ CTCK, CTQLQ.  Không thay đổi so với quy định cũ | Khoản 1 Điều 74 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 172** | *Hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán* | Điều 72 NĐ 58/2012/NĐ-CP  Thông tư 210/2012/TT-BTC  Điều 10 NĐ 86/2015/NĐ-CP;  Thông tư 212/2012/TT-BTC | Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép cho CTCK, CTQLQ.  Không thay đổi so với quy định cũ | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 173** | *Hồ sơ cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh CTCK, CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam* | Chưa quy định về CN CTCKNN tại VN, tuy nhiên, Thông tư 91/2013/TT-BTC đã quy định về CN CQTQLQ tại Việt Nam | Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép cho chi nhánh CTCK, CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam.  Không thay đổi so với quy định cũ | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 174** | *Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam* | Thông tư 191/2013/TT-BTC | Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận văn phòng đại diện chi nhánh CTCK, CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam.  Không thay đổi so với quy định cũ | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 175** | *Hồ sơ đề nghị bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán* | Thông tư 210/2012/TT-BTC | Quy định về hồ sơ bổ sung nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 176** | *Hồ sơ đề nghị rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán* | Thông tư 210/2012/TT-BTC | Quy định về hồ sơ rút nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 177** | *Hồ sơ đề nghị thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC; Thông tư 212/2012/TT-BTC | Quy định về hồ sơ đề nghị thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 178** | *Người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC; Thông tư 212/2012/TT-BTC | Quy định về Người đại diện theo pháp luật và hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 179** | *Hồ sơ đề nghị thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn cấp cho chi nhành, giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam* | Thông tư 210/2012/TT-BTC; Thông tư 212/2012/TT-BTC | Quy định về Hồ sơ đề nghị thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn cấp cho chi nhành, giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 180** | *Gia hạn hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam* | Thông tư 91/2013/TT-BTC | Quy định thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện là 05 năm | Thống nhất với các văn bản pháp luật khác (Luật Thương mại,…) |  |  |
| **Điều 181** | *Hồ sơ thay đổi thông tin nhận diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam* | Thông tư 91/2013/TT-BTC | Bổ sung đối tượng mới là chi nhánh CTCK NN tại Việt Nam | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 182** | *Trình tự thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động* | Thông tư 210/2012/TT-BTC; Thông tư 212/2012/TT-BTC, Thông tư 91/2013/TT-BTC | Quy định về trình tự thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 183** | *Phát hành, chào bán cổ phần, tăng vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ tại Việt Nam* | Thông tư 210/2012/TT-BTC; Thông tư 212/2012/TT-BTC; | Bổ sung đối tượng mới là chi nhánh CTCK NN tại Việt Nam | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 184** | *Giảm vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam* | Thông tư 210/2012/TT-BTC; Thông tư 212/2012/TT-BTC; | Bổ sung đối tượng mới là chi nhánh CTCK NN tại Việt Nam | Khoản 1 Điều 79 LCK giao hướng dẫn |  |  |
| **Điều 185** | *Chào bán và niêm yết chứng khoán của công ty chứng khoán tại nước ngoài* | Nghị định 58/2012/NĐ-CP và 60/2015/NĐ-CP | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 186** | *Điều kiện, thành lập, bổ sung nghiệp vụ chi nhánh trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC và Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 187** | *Điều kiện thành lập phòng giao dịch trong nước của công ty chứng khoán* | Thông tư 210/2012/TT-BTC và Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 188** | *Điều kiện thành lập văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC và Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 189** | *Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước, bổ sung nghiệp vụ chi nhánh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC và Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 190** | *Hồ sơ đề nghị rút nghiệp vụ, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC và Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 191** | *Điều kiện thành lập chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện tại nước ngoài của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC và Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 192** | *Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập, đóng cửa chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện tại nước ngoài của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC và Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 193** | *Hồ sơ đề nghị thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC và Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 194** | *Điều kiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán* | Nghị định 86/2016/NĐ-CP, 151/2018/NĐ-CP | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 195** | *Điều kiện cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán* | Nghị định 86/2016/NĐ-CP, 151/2018/NĐ-CP | Vận dụng theo quy định điều kiện về giao dịch trong ngày | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 196** | *Điều kiện đăng ký dịch vụ phối hợp với các tổ chức tín dụng cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán* | Chưa được quy định | Bổ sung mới Điều kiện đăng ký dịch vụ phối hợp với các tổ chức tín dụng cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 197** | *Điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến của công ty chứng khoán* | Thông tư 134/2017/TT-BTC | - Đơn giản các điều kiện  - Bộ Tài chính hướng dẫn về hệ thống | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 198** | *Điều kiện chào bán sản phẩm tài chính* | Chưa quy định về sản phẩm tài chính  Tuy nhiên, Nghị định 60/2015/NĐ-CP đã quy định về điều kiện chào bán chứng quyền của CTCK | Thay đổi sản phẩm từ chứng quyền có đảm bảo thành sản phẩm tài chính | Khoản 2 Điều 86 Luật CK |  |  |
| **Điều 199** | *Hồ sơ đề nghị chấp thuận cung cấp dịch vụ công ty chứng khoán* | Nghị định 86/2016/NĐ-CP, 151/2018/NĐ-CP | - Giữ nguyên quy định hiện nay  - Bổ sung mới Điều kiện đăng ký dịch vụ phối hợp với các tổ chức tín dụng cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 200** | *Chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ* | Chưa quy định | Quy định trường hợp không đáp ứng, duy trì các điều kiện cung cấp dịch vụ | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 201** | *Trình tự, thủ tục chấp thuận thực hiện các hoạt động phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận* | Nghị định 86/2016/NĐ-CP, 151/2018/NĐ-CP | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 202** | *Điều kiện tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC, Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 93 LCK |  |  |
| **Điều 203** | *Thủ tục chấp thuận tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC, Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 93 LCK |  |  |
| **Điều 204** | *Điều kiện tạm ngừng hoạt động công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ* | Thông tư 210/2012/TT-BTC, Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 205** | *Thủ tục chấp thuận tạm ngừng hoạt động công ty chứng khoán* | Thông tư 210/2012/TT-BTC, Thông tư 212/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 3 Điều 87 LCK |  |  |
| **Điều 206** | *Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán và tất toán tài sản của khách hàng của công ty chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam* | Thông tư 210/2012/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay  Chưa quy định về CN CTCKNN tại VN | Khoản 1 Điều 79 LCK  điểm b khoản 3 Điều 95 LCK |  |  |
| **Điều 207** | *Thủ tục thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam* | Thông tư 212/2012/TT-BTC  Thông tư 91/2013/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 1 Điều 79 LCK  điểm b khoản 3 Điều 95 LCK |  |  |
| **Điều 208** | *Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam* | Thông tư 91/2013/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | điểm b khoản 3 Điều 95 LCK |  |  |
| **Điều 209** | *Điều kiện, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán* | Thông tư 197/2015/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 5 Điều 97 LCK |  |  |
| **Điều 210** | *Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán* | Thông tư 197/2015/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 5 Điều 97 LCK |  |  |
| **Điều 211** | *Thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán* | Thông tư 197/2015/TT-BTC | Giữ nguyên quy định hiện nay | Khoản 5 Điều 97 LCK |  |  |
| **Điều 212** | *Quản lý, giám sát người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán* | Thông tư 197/2015/TT-BTC | Chỉnh sửa cho phù hợp thực tế hiện nay | Khoản 5 Điều 97 LCK |  |  |
| **Điều 213** | *Tên của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán* | Chưa có quy định | Tên tiếng Việt của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán phải phù hợp với các quy định pháp luật về doanh nghiệp và có ít nhất hai thành tố sau đây:  1. Tên loại hình quỹ: Tên loại hình quỹ được viết là “quỹ đầu tư” đối với quỹ đóng, quỹ mở, quỹ thành viên; được viết là “quỹ đầu tư bất động sản” đối với quỹ đầu tư bất động sản; được viết là “quỹ ETF” đối với quỹ hoán đổi danh mục; được viết là “công ty cổ phần đầu tư chứng khoán” đối với công ty đầu tư chứng khoán.  2. Tên riêng, phù hợp với mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư của quỹ. Đối với quỹ ETF, tên riêng của quỹ bao gồm tên viết tắt của công ty quản lý quỹ và chỉ số tham chiếu. | 1) Việc sử dụng đúng thuật ngữ sẽ tránh nhầm lẫn trên thực tế, phù hợp với tên gọi của các quỹ hiện nay, phù hợp với thông lệ quốc tế.  2) Các quy định này đã được quy định rải rác tại các Thông tư như khoản 1 Điều 3 TT224; khoản 1 Điều 3 TT183 hợp nhất; khoản 2 Điều 3 TT227; khoản 1 Điều 3 TT228; khoản 1 Điều 3 TT229. Do vậy, cần thiết quy định thống nhất để xác định phạm vi quản lý, cấp phép của UBCK, tránh nhầm lẫn với các quỹ do cơ quan khác cấp phép |  |  |
| **Điều 214** | *Những thay đổi phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và nguyên tắc lập hồ sơ* |  | 1. Quỹ đầu tư chứng khoán phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trước khi thực hiện các thay đổi sau:  a) Tăng, giảm vốn điều lệ quỹ thành viên; tăng vốn điều lệ quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản;  b) Thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;  c) Thay đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát của quỹ;  d) Thay đổi tên quỹ, công ty quản lý quỹ.  2. Nguyên tắc lập hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận, Giấy phép thành lập và hoạt động, tổ chức lại, giải thể quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán như sau:  a) Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký chữ ký số theo quy định;  b) Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, các tổ chức, cá nhân nộp bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính;  c) Hồ sơ phải được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Thành phần hồ sơ là các văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ. Mọi tài liệu khác bằng tiếng nước ngoài đều phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật;  d) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến;  đ) Các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chịu trách nhiệm bảo đảm các thông tin trong hồ sơ phải đầy đủ, chính xác, trung thực. Trong thời gian hồ sơ đang được xem xét, các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ cập nhật, sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu phát hiện thông tin không chính xác, phát sinh thông tin quan trọng, hoặc bỏ sót thông tin quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ. Văn bản sửa đổi, bổ sung phải có chữ ký của những người đã ký trong hồ sơ hoặc của những người có cùng chức danh với những người đó hoặc của người đại diện theo pháp luật của công ty;  e) Các tổ chức, cá nhân được cấp, điều chỉnh Giấy phép phải nộp lệ phí cấp, điều chỉnh Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí. | Bổ sung quy định về các trường hợp phải được UBCKNN chấp thuận dẫn đến điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư chứng khoán;  Bổ sung nguyên tắc lập và gửi hồ sơ liên quan đến việc cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chào bán, Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. |  |  |
|  | *Từ Điều 215 đến Điều 217* | Chưa có quy định | Bổ sung quy định về điều kiện, hồ sơ đăng ký làm đại lý phân phối, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ | 1) Đại lý phân phối có vai trò trung gian trong việc chào bán các chứng chỉ quỹ đến nhà đầu tư. Quy định về điều kiện, hồ sơ đăng ký làm đại lý phân phối được quy định tại 06 thông tư hướng dẫn về các thành lập và hoạt động của các loại hình quỹ (quỹ đóng, quỹ mở, quỹ ETF, quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán).  2) Để tạo điều kiện cho các quỹ khi đăng ký chào bán, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định: *công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ không phải thực hiện thủ tục đăng ký làm đại lý phân phối chứng chỉ quỹ*, do các đối tượng này được UBCKNN cấp phép và quản lý. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ phải đảm bảo có đủ nhân sự, quy trình nghiệp vụ thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ. |  |  |
|  | *Mục 1. Quỹ thành viên* |  |  |  |  |  |
| **Điều 218** | *Điều kiện thành lập quỹ thành viên* | Chưa có quy định | Bổ sung quy định tại Luật CK:  “2. Công ty quản lý quỹ phải có tối thiểu 02 người điều hành quỹ có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ; không bị đặt vào tình trạng cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ; không đang trong tình trạng bị xử phạt các hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực chứng khoán mà chưa thực hiện đầy đủ các chế tài và biện pháp khắc phục theo quyết định xử phạt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.” | 1) Khoản 3 Điều 100 Luật Chứng khoán 2019 giao Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục chào bán, thành lập, tổ chức lại, giải thể các quỹ đầu tư chứng khoán  2) Trên thực tế, để quản lý tài sản của quỹ, công ty phải có tối thiểu 02 người điều hành quỹ, đảm bảo hoạt động của quỹ được thông suốt, an toàn và công ty quản lý quỹ phải đảm bảo các chỉ tiêu về an toàn tài chính, hoạt động ổn định, tuân thủ tốt các quy định pháp luật hiện hành. |  |  |
|  | *Từ Điều 219 đến Điều 228* | Chưa có quy định | Bổ sung các quy định về hồ sơ, thủ tục thành lập quỹ, tăng giảm vốn điều lệ, thay đổi thời hạn hoạt động, thay đổi ngân hàng lưu ký, giám sát, thay đổi tên quỹ, thay đổi công ty quản lý quỹ, hợp nhất, sáp nhập giải thể quỹ thành viên | 1) Khoản 3 Điều 100 Luật Chứng khoán 2019 giao Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục chào bán, thành lập, tổ chức lại, giải thể các quỹ đầu tư chứng khoán  2) Tại khoản 2 Điều 113 Luật CK 2019, quỹ thành viên bao gồm từ 02 đến 99 thành viên là NĐT chuyên nghiệp. Việc thay đổi về số lượng, tính chất của các thành viên đã xác định yêu cầu mới trong quản lý quỹ thành viên, giao quyền cho các công ty QLQ thực hiện tự rà soát, thẩm định điều kiện đáp ứng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khi đăng ký thành lập quỹ thành viên.  3) Các thành phần hồ sơ khác được quy định tại khoản 3 Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 Thông tư 224/2012/TT-BTC  Do vậy, cần bổ sung các quy định tại Nghị định này, đảm bảo tính phù hợp, thống nhất của hệ thống văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán. |  |  |
|  | *Mục 2. Quỹ đóng* |  |  |  |  |  |
| **Điều 229** | *Điều kiện chào bán chứng chỉ quỹ đóng ra công chúng* | Chưa có quy định | Bổ sung quy định tại Luật CK về điều kiện đối với công ty quản lý quỹ thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ.  “2. Công ty quản lý quỹ phải có tối thiểu 02 người điều hành quỹ có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ; không bị đặt vào tình trạng cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ; hoặc chưa thực hiện đầy đủ các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả theo quyết định xử phạt hành vi vi phạm pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.” | - Tương tự điều kiện thành lập quỹ thành viên |  |  |
|  | *Từ Điều 230 đến Điều 236* | Chưa có quy định | Hướng dẫn hồ sơ chào bán, thành lập quỹ, thủ tục tăng, giảm vốn, thay đổi thời hạn hoạt động, thay đổi ngân hàng giám sát, thay đổi tên quỹ, thay đổi công ty quản lý quỹ, hợp nhất, sáp nhập, giải thể đối với quỹ đóng. | Tương tự như đối với quỹ thành viên. Bổ sung quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 16 đến Điều 20 Thông tư 224/2012/TT-BTC |  |  |
|  | *Mục 3. Quỹ mở* |  |  |  |  |  |
| **Từ Điều 237 đến Điều 242** | *Từ Điều 237 đến Điều 242* | Chưa có quy định | Bổ sung quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 29 đến Điều 34 Thông tư 224/2012/TT-BTC | Tương tự như đối với quỹ đóng |  |  |
|  | *Mục 4. Quỹ bất động sản* |  |  |  |  |  |
| **Điều 243** | *Quỹ đầu tư bất động sản* | Điều 90 Nghị định 58/2012/NĐ-CP  1. Quỹ đầu tư bất động sản được tổ chức và hoạt động dưới hình thức quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng, hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng (gọi là công ty đầu tư chứng khoán bất động sản).  2. Quỹ đầu tư bất động sản phải được quản lý bởi một công ty quản lý quỹ. Hoạt động quản lý vốn và tài sản của quỹ đầu tư bất động sản phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát.  3. Tài sản của quỹ đầu tư bất động sản phải được lưu ký tại ngân hàng giám sát.  4. Chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản phải niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán.  5. Việc huy động vốn, chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng của quỹ đầu tư bất động sản do công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 90 Luật chứng khoán, Điều 78 và Điều 79 Nghị định này và phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  6. Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư bất động sản. | 1. Quỹ đầu tư bất động sản được tổ chức và hoạt động dưới hình thức quỹ đóng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng (gọi là công ty đầu tư chứng khoán bất động sản).  2. Trường hợp tổ chức hoạt động dưới hình thức quỹ đóng việc chào bán, thành lập, tăng giảm vốn, niêm yết, thay đổi thời hạn hoạt động, thay đổi tên, thay đổi công ty quản lý quỹ, hợp nhất, sáp nhập, giải thể thực hiện theo quy định tại các Điều 229 đến Điều 236 Nghị định này và các quy định tại Mục này.  3. Trường hợp tổ chức hoạt động dưới hình thức công ty đầu tư chứng khoán bất động sản việc chào bán, thành lập, tăng, giảm vốn, niêm yết, thay đổi thời hạn hoạt động, thay đổi tên, thay đổi công ty quản lý quỹ, hợp nhất, sáp nhập, giải thể thực hiện theo quy định tại các Điều 253 đến Điều 264 Nghị định này và các quy định tại Mục này. | Sửa đổi đảm bảo tính phù hợp, thống nhất với nội dung được dẫn chiếu tại Dự thảo Nghị định. |  |  |
| **Điều 244** | *Điều kiện chào bán chứng chỉ quỹ bất động sản ra công chúng* | Được quy định tại khoản 5 Điều 90, khoản 1 Điều 90a, khoản 2 Điều 91 Nghị định 58/2012/NĐ-CP, cụ thể:  *- Khoản 5 Điều 90 Nghị định 58/2012:*  Việc huy động vốn, chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng của quỹ đầu tư bất động sản do công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 90 Luật chứng khoán, Điều 78 và Điều 79 Nghị định này và phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  - *Khoản 1 Điều 90a Nghị định 58/2012*.  Nhà đầu tư được góp vốn bằng bất động sản đáp ứng các điều kiện dưới đây để thành lập quỹ đầu tư bất động sản hoặc tăng vốn điều lệ cho quỹ đầu tư bất động sản:  a) Bất động sản đáp ứng các quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư của quỹ;  b) Bất động sản thuộc sở hữu hợp pháp của nhà đầu tư, không bị hạn chế chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của bất động sản dự kiến góp vào quỹ; không phải là tài sản bảo đảm đang được cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược, bị phong tỏa hoặc trong các giao dịch tài sản bảo đảm khác theo quy định pháp luật dân sự và đáp ứng các quy định tại Khoản 2 Điều 91 Nghị định này.  - *Khoản 2 Điều 91 Nghị định 58/2012:*  Quỹ đầu tư bất động sản được đầu tư vào bất động sản đáp ứng các điều kiện sau:  a) Là bất động sản được phép đưa vào kinh doanh theo quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản;  b) Là nhà, công trình xây dựng đã hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp bất động sản đang trong quá trình xây dựng, quỹ đầu tư bất động sản chỉ được đầu tư khi bảo đảm đáp ứng các điều kiện sau:  - Đã có hợp đồng giao dịch với các khách hàng tiềm năng, bảo đảm bất động sản có thể bán được hoặc có thể sử dụng, cho thuê ngay sau khi hoàn tất;  - Dự án xây dựng đã được thực hiện đúng tiến độ tính đến thời điểm quỹ tham gia góp vốn;  - Tổng giá trị các dự án bất động sản trong quá trình xây dựng mà quỹ đầu tư không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ;  - Không phải là đất chưa có công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và Luật đất đai. | 1. Nhà đầu tư được góp vốn bằng bất động sản trong đợt chào bán lần đầu và tăng vốn cho quỹ đầu tư bất động sản. Bất động sản được góp vốn phải đáp ứng các điều kiện sau:  a) Đáp ứng các quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư của quỹ;  b) Thuộc sở hữu hợp pháp của nhà đầu tư, không bị hạn chế chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của bất động sản dự kiến góp vào quỹ; không phải là tài sản bảo đảm đang được cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược, bị phong tỏa hoặc trong các giao dịch tài sản bảo đảm khác theo quy định pháp luật dân sự;  c) Được phép kinh doanh theo quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản;  d) Là nhà, công trình xây dựng đã hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng;  đ) Trường hợp bất động sản đang trong quá trình xây dựng, quỹ đầu tư bất động sản chỉ được nhận góp vốn bằng bất động sản khi bảo đảm đáp ứng các điều kiện sau:  - Đã có hợp đồng giao dịch với các khách hàng tiềm năng, bảo đảm bất động sản có thể bán được hoặc có thể sử dụng, cho thuê ngay sau khi hoàn tất;  - Dự án xây dựng đã được thực hiện đúng tiến độ tính đến thời điểm quỹ tham gia góp vốn;  - Tổng giá trị các dự án bất động sản trong quá trình xây dựng mà quỹ đầu tư không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ;  - Không phải là đất chưa có công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và Luật đất đai.  2. Điều kiện chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng, chào bán để tăng vốn quỹ đầu tư bất động sản bao gồm:  a) Điều kiện theo quy định tại Điều 229 (trường hợp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức quỹ đóng) hoặc Điều 253 (trường hợp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty đầu tư chứng khoán đại chúng) Nghị định này;  b) Công ty quản lý quỹ có tối thiểu 02 nhân viên nghiệp vụ có thẻ thẩm định viên về giá theo quy định Luật Giá. | Hiện tại quy định về chào bán chứng chỉ quỹ bất động sản ra công chúng đã đầy đủ và được quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Khoản 2,3 Điều 4 Thông tư 228/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012. Việc quy định thống nhất sẽ tạo điều kiện cho người thực hiện dễ dàng tìm hiểu và thực hiện TTHC. |  |  |
| **Điều 245** | *Hồ sơ chào bán chứng chỉ quỹ bất động sản ra công chúng* | Khoản 22 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP:  *Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng trong trường hợp có nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản bao gồm các tài liệu sau:*  a) Bản chính Giấy đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng;  b) Điều lệ quỹ;  c) Bản chính Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;  d) Hợp đồng nguyên tắc về hoạt động lưu ký, giám sát ký với ngân hàng giám sát; hợp đồng nguyên tắc về hoạt động định giá ký với tổ chức định giá (nếu có); hợp đồng về quản lý bất động sản ký với tổ chức quản lý bất động sản; hợp đồng nguyên tắc về việc phân phối chứng chỉ quỹ giữa công ty quản lý quỹ và các đại lý phân phối;  đ) Bản chính Danh sách nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản và thành viên sáng lập của quỹ (nếu có), kèm theo biên bản thỏa thuận góp bất động sản để thành lập quỹ đầu tư bất động sản trong đó thống nhất về giá trị tài sản góp vốn và các tài liệu sau:  - Bản sao chứng thực quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân của nhà đầu tư là cá nhân;  - Bản chính Biên bản họp, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu của tổ chức góp vốn phù hợp với quy định tại điều lệ công ty về việc góp tài sản vào quỹ đầu tư bất động sản, cam kết tuân thủ các điều kiện về hạn chế chuyển nhượng chứng chỉ quỹ;  - Bản sao các tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản của nhà đầu tư góp vốn theo quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản, pháp luật về nhà ở, pháp luật về đất đai;  e) Bản chính Báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc báo cáo của tổ chức quản lý bất động sản về tình hình khai thác bất động sản trong năm gần nhất có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập và các báo cáo quý gần nhất;  g) Bản chính Chứng thư thẩm định giá bất động sản của hai (02) tổ chức thẩm định giá độc lập;  h) Hồ sơ nhân viên nghiệp vụ tại bộ phận quản lý quỹ đầu tư bất động sản theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;  k) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có).  *Hồ sơ chào bán, phát hành chứng chỉ quỹ để tăng vốn cho nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản bao gồm các tài liệu sau:*  a) Các tài liệu theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm đ, Điểm e và Điểm g Khoản 2 Điều này;  b) Bản chính Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư thông qua việc chào bán thêm chứng chỉ quỹ để tăng vốn cho quỹ, thông qua phương án phát hành và sử dụng vốn. Biên bản họp và nghị quyết của ban đại diện quỹ thông qua các nội dung về: Hồ sơ phát hành, thời điểm, mức giá phát hành, tiêu chí xác định và nhà đầu tư được chào bán trong trường hợp không phân phối hết số quyền mua chứng chỉ quỹ dự kiến phát hành;  c) Bản chính Báo cáo tài chính liền trước năm đề nghị phát hành chứng chỉ quỹ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;  d) Bản chính Báo cáo kết quả định giá, định giá lại, chứng thư thẩm định giá của các bất động sản hiện có của quỹ, báo cáo về giá trị tài sản ròng có xác nhận của ngân hàng giám sát tại thời điểm nộp hồ sơ. | 1. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản lần đầu ra công chúng bao gồm:  a) Tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 230 (trường hợp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức quỹ đóng) hoặc khoản 1 Điều 254 (trường hợp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty đầu tư chứng khoán đại chúng) Nghị định này;  b) Danh sách nhân viên nghiệp vụ, kèm bản cung cấp thông tin, bản sao hợp lệ thẻ thẩm định viên về giá, hoặc bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề định giá bất động sản;  c) Hợp đồng định giá bất động sản giữa công ty quản lý quỹ ký với tổ chức định giá bất động sản theo quy định của Bộ Tài chính (nếu có)  d) Hợp đồng quản lý bất động sản giữa công ty quản lý quỹ ký với tổ chức quản lý bất động sản (nếu có).  2. Trường hợp nhà đầu góp vốn bằng bất động sản, hồ sơ chào bán chứng chỉ quỹ bất động sản lần đầu ra công chúng, bổ sung thêm các tài liệu sau:  a) Danh sách nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản theo Mẫu số 96 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; kèm theo quyết định góp tài sản vào quỹ đầu tư bất động sản, cam kết tuân thủ các điều kiện về hạn chế chuyển nhượng chứng chỉ quỹ của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn;  b) Các tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản của nhà đầu tư góp vốn theo quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản, pháp luật về nhà ở, pháp luật về đất đai;  c) Báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức góp vốn tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chào bán ra công chúng phải đáp ứng quy định tại Điều 20 Luật Chứng khoán hoặc báo cáo của tổ chức quản lý bất động sản về tình hình khai thác bất động sản góp vốn trong năm gần nhất có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập;  d) Chứng thư thẩm định giá về bất động sản góp vốn của 02 doanh nghiệp thẩm định giá độc lập;  đ) Phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư về các nhà đầu góp vốn bằng bất động sản, giá bất động sản góp vốn.  3. Hồ sơ đăng ký chào bán để tăng vốn quỹ đầu tư bất động sản bao gồm tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 230 (trường hợp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức quỹ đóng) hoặc khoản 2 Điều 254 (trường hợp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty đầu tư chứng khoán đại chúng) Nghị định này. Trường hợp có nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản bổ sung thêm các tài liệu sau:  a) Tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này;  b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ thông qua việc chào bán thêm chứng chỉ quỹ để tăng vốn cho quỹ bằng việc nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản, bao gồm: nhà đầu tư, bất động sản góp vốn, giá bất động sản góp vốn;  c) Báo cáo kết quả định giá, định giá lại, chứng thư thẩm định giá của các bất động sản hiện có của quỹ, báo cáo về giá trị tài sản ròng có xác nhận của ngân hàng giám sát tại thời điểm nộp hồ sơ. | Tương tự như đối với quỹ đóng, bổ sung quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 18 đến Điều 21 Thông tư 228/2012/TT-BTC và thống nhất quy định tại Dự thảo Nghị định |  |  |
|  | *Mục 5. Quỹ hoán đổi danh mục (Quỹ ETF)* |  |  |  |  |  |
| **Điều 246 đến Điều 252** | *Điều 246 đến Điều 252* | Chưa có quy định | Bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 11, Điều 20, Điều 21 Thông tư 229/2012/TT-BTC | Tương tự như đối với quỹ mở |  |  |
|  | *Mục 6. Công ty đầu tư chứng khoán* |  |  |  |  |  |
| **Điều 253** | *Điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu, chào bán cổ phiếu để tăng vốn của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng* | Chưa có quy định | Bổ sung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư 227/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán | - Công ty đầu tư chứng khoán là quỹ đầu tư chứng khoán tổ chức dưới mô hình công ty cổ phần. Do vậy, dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện về chào bán lần đầu, chào bán để tăng vốn của công ty đầu tư chứng khoán nhằm hướng dẫn đầy đủ các nội dung Điều 100 Luật Chứng khoán 2019 giao Chính phủ hướng dẫn, và tương đồng với các loại hình quỹ khác. |  |  |
| **Điều 254** | *Hồ sơ, thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu, chào bán cổ phiếu để tăng vốn của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng* | Điều 78 Nghị định 58/2012 đã quy định về hồ sơ chào bán ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, cụ thể:  1. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm:  a) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng để thành lập công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ lập;  b) Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán được lập theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;  c) Bản cáo bạch theo quy định tại Điều 15 Luật chứng khoán và quy định của Bộ Tài chính về hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng;  d) Hợp đồng nguyên tắc về giám sát, quản lý đầu tư và phân phối cổ phiếu, cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có);  đ) Danh sách thành viên dự kiến của hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, cổ đông sáng lập kèm theo các tài liệu sau:  - Đối với cá nhân: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, lý lịch tư pháp và sơ yếu lý lịch;  - Đối với tổ chức: Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, lý lịch tư pháp và sơ yếu lý lịch của đại diện được ủy quyền kèm theo văn bản ủy quyền;  e) Cam kết của các cổ đông sáng lập đăng ký mua ít nhất 20% số cổ phiếu đăng ký chào bán ra công chúng và nắm giữ số cổ phiếu này trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, cam kết về tính độc lập đối với công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát của thành viên Hội đồng quản trị độc lập;  g) Danh sách Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và người điều hành quỹ (nếu có) kèm theo bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, lý lịch tư pháp, sơ yếu lý lịch và bản sao chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ. | 1. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng bao gồm:  a) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của theo Mẫu số 93 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;  b) Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán theo quy định Bộ Tài chính;  c) Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt theo quy định của Bộ Tài chính;  d) Hợp đồng lưu ký, giám sát giữa ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ;  đ) Hợp đồng phân phối cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán giữa công ty quản lý quỹ và các đại lý phân phối kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, báo cáo thẩm định cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và các hợp đồng nguyên tắc ký với các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có);  e) Danh sách nhân sự dự kiến, người điều hành công ty kèm theo bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 94, Mẫu số 84 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và Lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;  g) Trường hợp công ty đầu tư chứng khoán dự kiến không tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, công ty quản lý quỹ phải bổ sung các tài liệu lấy ý kiến nhà đầu tư về: niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán, cơ cấu Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị của công ty và các nội dung khác lấy ý kiến nhà đầu tư;  h) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có), các tài liệu quảng cáo, thông tin giới thiệu về quỹ dự kiến chào bán (nếu có).  2. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu để tăng vốn công ty đầu tư chứng khoán bao gồm:  a) Tài liệu quy định tại điểm a, b, c, h khoản 1 Điều này;  b) Nghị quyết của Đại hội cổ đông công ty thông qua việc chào bán cổ phiếu để tăng vốn, phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, thông qua việc niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;  c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty thông qua hồ sơ đăng ký chào bán, thời điểm phát hành, mức giá phát hành cụ thể, tiêu chí xác định và đối tượng chào bán trong trường hợp không phân phối hết số quyền mua cổ phiếu dự kiến phát hành;  d) Báo cáo tài chính năm gần nhất phải đáp ứng quy định tại Điều 20 Luật Chứng khoán và bảo đảm lợi nhuận của công ty phải là số dương, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm đăng ký chào bán. | - Do hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng tương tự quỹ đóng, do vậy việc trình tự, thủ tục đăng ký chào bán ra công chúng tương tự quỹ đóng.  - Dự thảo Nghị định quy định tách bạch trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, tạo điều kiện cho người thực hiện dễ tra cứu, dễ thực hiện.  - Dự thảo Nghị định đã cắt giảm một số hồ sơ: Bản sao CMND hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực, bản sao chứng chỉ hành nghề của nhân sự dự kiến, người điều hành công ty, cam kết của các cổ đông sáng lập, của thành viên HĐQT. Các nội dung cắt giảm sẽ được hợp nhất tại Mẫu Bản thông tin cá nhân của các cá nhân trên. |  |  |
| **Điều 255** | *Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán* | *Tại khoản 1 Điều 79 Nghị định 58 quy định điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm:*  a) Có vốn thực góp tối thiểu là 50 tỷ đồng Việt Nam;  b) Có tối thiểu một trăm (100) cổ đông, không kể cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;  c) Do một công ty quản lý quỹ quản lý;  d) Tài sản được lưu ký tại ngân hàng giám sát;  đ) Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng quản trị phải độc lập với công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát theo quy định tại Khoản 1 Điều 80 Nghị định này.  *- Điều 87 Nghị định 58/2012*  *1. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ ủy thác quản lý vốn bao gồm:*  a) Đáp ứng quy định tại Điểm a, c, d và đ Khoản 1 Điều 79 Nghị định này;  b) Có tối đa là chín mươi chín (99) cổ đông, không tính nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Trong đó, mỗi cổ đông là tổ chức phải góp tối thiểu là 03 tỷ đồng Việt Nam và cổ đông cá nhân phải góp tối thiểu 01 tỷ đồng Việt Nam.  *2. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn bao gồm:*  a) Đáp ứng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 79 và Điểm b Khoản 1 Điều này;  b) Tài sản phải được lưu ký tại ngân hàng lưu ký;  c) Cổ đông trong nước của công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc doanh nghiệp bảo hiểm hoặc thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) của công ty dự kiến thành lập;  d) Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), nhân viên nghiệp vụ phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và phân tích đầu tư, có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc các chứng chỉ quốc tế theo quy định của Bộ Tài chính. | 1. Điều kiện về vốn bao gồm:  a) Vốn điều lệ thực góp tối thiểu là 50 tỷ đồng Việt Nam. Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải ủy thác vốn cho một công ty quản lý quỹ quản lý. Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ được tự quản lý vốn đầu tư hoặc ủy thác vốn cho một công ty quản lý quỹ quản lý.  b) Toàn bộ tài sản phải được lưu ký tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.  2. Điều kiện về trụ sở bao gồm: có trụ sở làm việc bảo đảm cho hoạt động đầu tư chứng khoán. Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán ủy thác vốn cho công ty quản lý quỹ quản lý được sử dụng trụ sở của công ty quản lý quỹ làm trụ sở chính.  3. Điều kiện về nhân sự bao gồm:  a) Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán ủy thác vốn cho công ty quản lý quỹ quản lý không được tuyển dụng nhân sự và có Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc) là người điều hành quỹ do công ty quản lý quỹ chỉ định.  b) Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn có Tổng giám đốc đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 5 Điều 75 Luật Chứng khoán và tối thiểu 02 nhân viên có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.  4. Điều kiện về cổ đông bao gồm:  a) Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng có tối thiểu 100 cổ đông không phải là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;  b) Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ có tối đa 99 cổ đông. Trong đó, cổ đông là tổ chức phải góp tối thiểu là 03 tỷ đồng Vỉệt Nam và cổ đông là cá nhân phải góp tối thiểu 01 tỷ đồng Việt Nam. Trường hợp tự quản lý, cổ đông trong nước phải là tổ chức do cơ quan quản lý chuyên ngành về chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm cấp phép thành lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) của công ty dự kiến thành lập.  5. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải độc lập với công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.  6. Điều kiện góp vốn bằng tài sản: cổ đông được góp vốn bằng các loại chứng khoán đang niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ và phải bảo đảm:  a) Chứng khoán dự kiến góp phải phù hợp với mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư của công ty; không bị hạn chế chuyển nhượng, bị đình chỉ, tạm ngừng giao dịch, hủy bỏ niêm yết; không đang bị cầm cố, thế chấp, ký quỹ, bị phong tỏa hoặc là tài sản bảo đảm trong các giao dịch tài sản bảo đảm khác theo quy định của pháp luật;  b) Việc góp vốn bằng chứng khoán phải được sự chấp thuận của tất cả các cổ đông và chỉ được coi là đã hoàn tất sau khi quyền sở hữu hợp pháp đối với chứng khoán góp vốn đã chuyển sang công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ;  c) Giá chứng khoán góp vốn do ngân hàng lưu ký xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và phải phù hợp với quy định của điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ. | - Khoản 1 Điều 79 Nghị định 58/2012/NĐ-CP quy định điều kiện thành lập công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.  - Điều 87 Nghị định 58/2012/NĐ-CP quy định điều kiện thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ (ủy thác, tự quản lý), và được bổ sung hướng dẫn chi tiết về việc góp vốn bằng chứng khoán tại Điều 20 Thông tư 227/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012.  Do vậy, nội dung Dự thảo được bổ sung, sửa đổi theo hướng thống nhất hướng dẫn các điều kiện thành lập công ty đầu tư chứng khoán. |  |  |
| **Điều 256** | *Hồ sơ cấp giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng* | Khoản 2 Điều 79 Nghị định 58/2012/NĐ-CP | Giữ nguyên |  |  |  |
| **Điều 257** | *Hồ sơ cấp giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ* | *Điều 88 Nghị định 58/2012/NĐ-CP*  Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ bao gồm:  a) Giấy đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động kèm theo văn bản ủy quyền cho công ty quản lý quỹ hoặc đại diện cổ đông hoàn tất thủ tục pháp lý thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ;  b) Xác nhận của ngân hàng về mức vốn góp gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng;  c) Biên bản họp kèm theo nghị quyết của các cổ đông về việc thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ;  d) Dự thảo hợp đồng lưu ký, dự thảo hợp đồng quản lý đầu tư (nếu có);  đ) Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, Bản cáo bạch;  e) Danh sách cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 79 Nghị định này kèm theo bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn hiệu lực và sơ yếu lý lịch của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và các tài liệu sau:  Đối với cổ đông là tổ chức: Bản sao hợp lệ giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có) hoặc tài liệu tương đương, biên bản họp và quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty về việc tham gia góp vốn thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ và cử người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền kèm theo văn bản ủy quyền.  Đối với cổ đông nước ngoài: Bổ sung thêm tài liệu xác minh cổ đông nước ngoài có tài khoản vốn đầu tư mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam và đã đăng ký mã số giao dịch chứng khoán.  Đối với thành viên hội đồng quản trị độc lập: Bản cam kết về sự độc lập theo quy định tại Khoản 1 Điều 80 Nghị định này.  g) Trường hợp là công ty tự quản lý vốn, bổ sung bản sao chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc các chứng chỉ quốc tế của Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và các nhân viên nghiệp vụ, hợp đồng nguyên tắc thuê trụ sở chính hoặc quyết định giao mặt bằng, trụ sở của chủ sở hữu kèm theo tài liệu xác nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng trụ sở của bên cho thuê hoặc chủ sở hữu (nếu có trụ sở). | 1. Giấy đăng ký thành lập và hoạt động theo Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo văn bản ủy quyền cho công ty quản lý quỹ hoặc đại diện cổ đông thực hiện thủ tục thành lập công ty;  2. Điều lệ công ty theo mẫu quy định của Bộ Tài chính;  3. Hợp đồng lưu ký tài sản với ngân hàng lưu ký;  4. Biên bản thỏa thuận của các cổ đông về việc thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ trong đó nêu rõ tên công ty, công ty quản lý quỹ (nếu có), ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có), các cổ đông góp vốn và số vốn góp của từng cổ đông;  5. Xác nhận của ngân hàng lưu ký về quy mô vốn góp, danh mục chứng khoán được góp vốn (nếu có) trong đó nêu rõ số lượng, mã chứng khoán của từng cổ đông góp vốn bằng chứng khoán, ngày hạch toán danh mục chứng khoán vào tài khoản lưu ký của công ty đầu tư chứng khoán kèm theo biên bản định giá chứng khoán do ngân hàng lưu ký xác lập;  6. Danh sách cổ đông, nhân sự dự kiến và bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 98, Mẫu số 84 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, quyết định của cấp có thẩm quyền về việc góp vốn thành lập công ty đầu tư chứng khoán đối với cổ đông là tổ chức; lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;  7. Trường hợp công ty đầu tư chứng khoán ủy thác vốn cho công ty quản lý quỹ quản lý, tài liệu bổ sung: hợp đồng quản lý đầu tư ký với công ty quản lý quỹ; hợp đồng giám sát ký với ngân hàng giám sát;  8. Trường hợp công ty đầu tư chứng khoán tự quản lý vốn, bổ sung: tài liệu chứng minh quyền sử dụng trụ sở. | Hồ sơ thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ hiện tại được thực hiện theo quy định tại Điều 88 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và khoản 3 Điều 20 Thông tư 227/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 (bổ sung hồ sơ đối với trường hợp góp vốn bằng chứng khoán).  Dự thảo Nghị định đã hợp nhất các trường hợp và cắt giảm một số thành phần hồ sơ: Bản sao CMND hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực, bản sao chứng chỉ hành nghề của nhân sự dự kiến, người điều hành công ty, cam kết của các cổ đông sáng lập, cổ đông nước ngoài, thành viên HĐQT. Các nội dung cắt giảm sẽ được hợp nhất tại Mẫu Bản thông tin cá nhân của các cá nhân trên. |  |  |
| **Điều 258 - 264** | *Từ Điều 258 đến Điều 264* | Chưa có quy định | Bổ sung các quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ, các thay đổi phải được UBCKNN chấp thuận như thay đổi tên, thay đổi người đại diện pháp luật, thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, thay đổi trụ sở của công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, thay đổi thời gian hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán; các quy định về hợp nhất, sáp nhập, giải thể công ty đầu tư chứng khoán. | 1) Theo quy định tại Điều 114 Luật Chứng khoán 2019, công ty đầu tư chứng khoán là quỹ đầu tư chứng khoán. Tại khoản 3 Điều 100 Luật Chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục về chào bán, thành lập, tổ chức lại, giải thể các quỹ đầu tư chứng khoán.  2) Thống nhất sự tương đồng các thủ tục hành chính giữa công ty ĐTCK đại chúng và công ty ĐTCK riêng lẻ. |  |  |
| **Điều 265-272** | *Quy định về áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho thị trường chứng khoán – Chương VIII* | Chưa có quy định | Chương VIII bao gồm 8 điều được cơ cấu thành 02 mục (Các biện pháp giám sát an ninh, an toàn và Các biện pháp ứng phó, khắc phục) nhằm quy định chi tiết các nội dung được giao Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Chứng khoán 2019. Nội dung của Chương VIII là các nội dung mới, chưa được quy định tại các văn bản pháp lý hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.  - Về biện pháp giám sát an ninh, an toàn TTCK: Dự thảo làm rõ nội dung hoạt động giám sát an ninh an toàn, các nguy cơ và rủi ro mang tính hệ thống ảnh hưởng đến TTCK; quy định UBCKNN chủ trì thực hiện giám sát, xây dựng tiêu chí nhận diện nguy cơ, rủi ro hệ thống phù hợp với tình hình thị trường và báo cáo Bộ Tài chính; trách nhiệm phối hợp của các tổ chức liên quan trong phối hợp với UBCKNN thực hiện giám sát thường xuyên.  - Về biện pháp ứng phó, khắc phục : Dự thảo làm rõ các hoạt động ứng phó, khắc phục; quy định trách nhiệm, quyền hạn của UBCKNN, SGDCK, VSD trong ứng phó, khắc phục; trách nhiệm ứng phó, khắc phục theo phạm vi quản lý và hoạt động của các chủ thể: UBCKNN, SGDCK, VSD, ngân hàng thanh toán, CTCK, CTQTQ. | Để đảm bảo sự tham gia, phối hợp của các bộ ngành, nhất là ứng phó với sự kiện như khủng hoảng kinh tế-tài chính, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Dự thảo quy định Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính, UBCKNN trong giám sát an ninh, an toàn TTCK, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức triển khai kế hoạch, giải pháp, biện pháp để ứng phó, khắc phục, xử lý tác động từ khủng hoảng tài chính, khủng hoảng kinh tế hoặc biến động lớn của nền kinh tế ở phạm vi quốc gia, khu vực và thế giới có ảnh hưởng đến tính ổn định, an toàn và toàn vẹn của TTCK.  - Về biện pháp tạm ngừng, đình chỉ giao dịch chứng khoán: Dự thảo quy định các trường hợp SGDCK thực hiện theo Điều 46 Luật Chứng khoán và theo yêu cầu của UBCKNN, việc báo cáo, công bố thông tin khi áp dụng biện pháp này.  - Về biện pháp tạm ngừng, đình chỉ hoạt động SGDCK, VSD: Dự thảo quy định UBCKNN tạm ngừng, đình chỉ hoạt động của SGDCK, VSD sau khi được Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận; quy định thời hạn tạm ngừng, đình chỉ không quá 05 ngày làm việc và có thể gia hạn mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.  - Đối với biện pháp cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm thực hiện hoạt động chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn: Dự thảo làm rõ đối tượng áp dụng, các hoạt động bị cấm, thẩm quyền áp dụng, trình tự thủ tục áp dụng, thời hạn áp dụng tối đa đến 05 năm, các trường hợp áp dụng bao gồm bị xử phạt hành do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội danh về chứng khoán. Dự thảo quy định có thể cấm vĩnh viễn đảm nhiệm chức vụ, cấm vĩnh viễn tham gia hoạt động chứng khoán nếu tái phạm hoặc vi phạm, phạm tội từ 02 lần trở lên.  - Về biện pháp phong tỏa tiền, chứng khoán: Dự thảo quy định về các trường hợp áp dụng (khi cần xác minh tình tiết làm căn cứ quyết định xử lý vi phạm về chứng khoán; khi có căn cứ xác định tổ chức, cá nhân đang thực hiện vi phạm pháp luật về chứng khoán và cần thiết áp dụng nhằm ngăn chặn tiếp tục thực hiện vi phạm hoặc ngăn chặn tẩu tán tiền, chứng khoán; theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật); quy định thẩm quyền áp dụng, trình tự, thủ tục áp dụng và trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức liên quan. |  |  |
| Điều 273 - Điều 275 |  | Về điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện – Chương IX | Trên cơ sở rà soát thực tiễn thi hành và các quy định chuyển tiếp tại Điều 135 Luật Chứng khoán 2019, Nghị định này đã bổ sung quy định chuyển tiếp đối với một số trường hợp cụ thể sau:  + Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các công ty đại chúng theo tiêu chuẩn của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 nhưng không đáp ứng tiêu chuẩn là công ty đại chúng theo Luật Chứng khoán 2019.  + Thời điểm áp dụng quy định về xếp hạng tín nhiệm đối với việc chào bán trái phiếu ra công chúng;  + Biện pháp xử lý đối với cổ phiếu quỹ đã mua trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực;  + Hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau thời điểm Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực nhưng trước khi Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam chính thức hoạt động.  + Hoạt động của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam sau thời điểm Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực nhưng trước khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chính thức hoạt động.  + Việc triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm sau thời điểm Luật Chứng khoán có hiệu lực nhưng trước thời điểm hoàn tất hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công nghệ thông tin, trước thời điểm công ty con của Tổng công ty lưu ký chứng khoán được thành lập.  – Việc đăng ký biện pháp bảo đảm của các chứng khoán đã được đăng ký tại Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm - Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 01 năm 2021. |  |  |  |